



Cập nhật Danh mục đầu tư:

TĂNG TRƯỞNG

CTG → **HPG**

CÂN BẰNG

VPB → **CTG**

MIDCAP

QTP → **TCH**
→ **DXG**

SMALLCAP

ITC → **DPR**

SMART PORTFOLIO

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

Tháng 11/2024

● Thuộc bộ sản phẩm giải pháp đầu tư

smartDragon

Mục lục

smartPortfolio tháng 11/2024

I. Tổng quan danh mục 01-04

- | | |
|--|----|
| 1. Thống kê hiệu quả danh mục | 04 |
| 2. Top 10 cổ phiếu trong danh mục chính có hiệu suất nổi bật | 04 |

II. Cập nhật Danh mục chính 05-29

- | | |
|---------------------------|----|
| 1. Danh mục THẬN TRỌNG | 05 |
| 2. Danh mục CÂN BẰNG | 07 |
| 3. Danh mục TĂNG TRƯỞNG | 09 |
| 4. Danh mục MIDCAP | 11 |
| 5. Danh mục SMALLCAP | 12 |
| 6. Điểm nhấn doanh nghiệp | 13 |

III. Cập nhật Danh mục chủ đề 30-32

- | | |
|-----------------------------------|----|
| 1. Cổ tức tiền mặt | 31 |
| 2. Đầu tư công | 31 |
| 3. P/B<1 | 31 |
| 4. BĐS dân dụng & khu công nghiệp | 32 |

IV. Giới thiệu về smartPortfolio 33-36

- | | |
|---|----|
| 1. Tổng quan về smartPortfolio | 33 |
| 2. Phương pháp xây dựng danh mục đầu tư | 34 |
| 3. Diễn giải | 36 |



“Chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư nên tập trung vào các cổ phiếu đang thu hút dòng tiền, những cổ phiếu đang hình thành nền tích lũy với thanh khoản thấp, hoặc các cổ phiếu đã giảm xuyên thủng ngưỡng 1.240 điểm.”

Thị trường trong nước vừa qua chứng kiến áp lực bán mạnh mẽ đẩy VN-Index giảm 2,55%, xuống mức 1.252,72 điểm, ghi nhận mức giảm sâu nhất trong vòng 4 tuần. Nhóm VN30 chịu tác động nặng nề nhất với mức giảm 2,7%, trong khi các nhóm Midcap và Smallcap cũng lần lượt giảm 1,5% và 1,6%.

Độ rộng thị trường cho thấy áp lực bán diễn ra trên diện rộng, đặc biệt là ở nhóm VN30. Xu hướng tăng của chỉ số kể từ tháng 8 đã bị phá vỡ, trái ngược với diễn biến tích cực của nhóm bất động sản. Khối ngoại tiếp tục duy trì xu hướng bán ròng với giá trị 1.183 tỷ đồng, nâng tổng giá trị bán ròng từ đầu năm lên mức đáng kể. Thanh khoản thị trường tiếp tục giảm mạnh, đạt mức thấp nhất trong 6 tuần qua với 16.782 tỷ đồng. Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang cực kỳ thận trọng.

Việc VN-Index mất mốc 1.280 điểm từ đầu tháng 8 là một tín hiệu đáng chú ý, khiến dòng tiền trở nên dè dặt ngay cả trong những nhịp hồi phục ngắn hạn. Thanh khoản đang dần cạn kiệt, tiệm cận mức thấp nhất từng ghi nhận vào tháng 9. Trong kịch bản VN-Index điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1.240 điểm, việc thanh khoản duy trì ở mức thấp sẽ là một tín hiệu tích cực, báo hiệu khả năng xuất hiện các cơ hội mua vào.

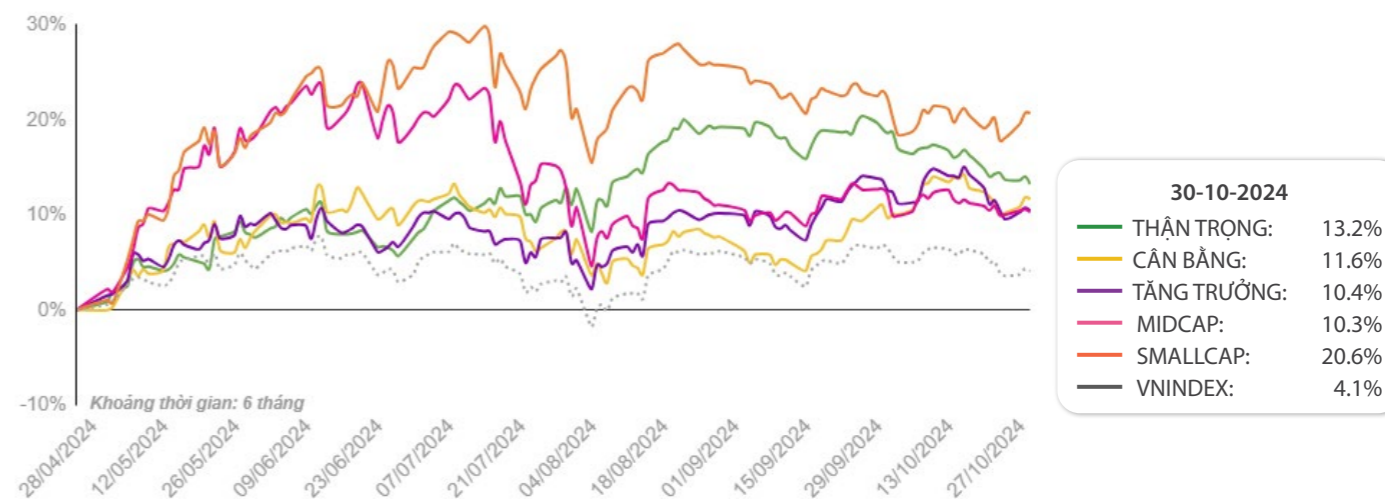
TỔNG QUAN DANH MỤC ĐẦU TƯ Tháng 11/2024

Tối ưu hóa danh mục đầu tư cùng smartPortfolio: Bắt nhịp thị trường với những cơ hội mới

Ở kỳ ấn phẩm này, chúng tôi đề xuất những thay đổi sau cho danh mục đầu tư smartPortfolio như sau:

- ✓ Danh mục **TĂNG TRƯỞNG**: Chúng tôi thay thế **CTG** bằng **HPG**
- ✓ Danh mục **CÂN BẰNG**: Chúng tôi thay thế **VPB** bằng **CTG**
- ✓ Danh mục **MIDCAP**: Chúng tôi thay thế **QTP** bằng **TCH, DXG**
- ✓ Danh mục **SMALLCAP**: Chúng tôi thay thế **ITC** bằng **DPR**

HIỆU QUẢ DANH MỤC ĐẦU TƯ



THỐNG KÊ HIỆU QUẢ DANH MỤC THEO THỜI GIAN

Danh mục	1M	3M	6M	12M	YTD
THẬN TRỌNG	-5.4%	1.7%	13.2%	25.6%	30.0%
CÂN BẰNG	0.8%	3.2%	11.6%	22.4%	26.5%
TĂNG TRƯỞNG	-3.0%	2.6%	10.4%	38.3%	22.9%
MIDCAP	-2.1%	-3.7%	10.3%	-	0.1%
SMALLCAP	-1.5%	-5.2%	20.6%	-	8.9%
VNINDEX	-2.3%	1.1%	4.1%	20.7%	11.4%

TOP 10 CỔ PHIẾU trong danh mục chính có Hiệu suất nổi bật



CẬP NHẬT DANH MỤC CHÍNH

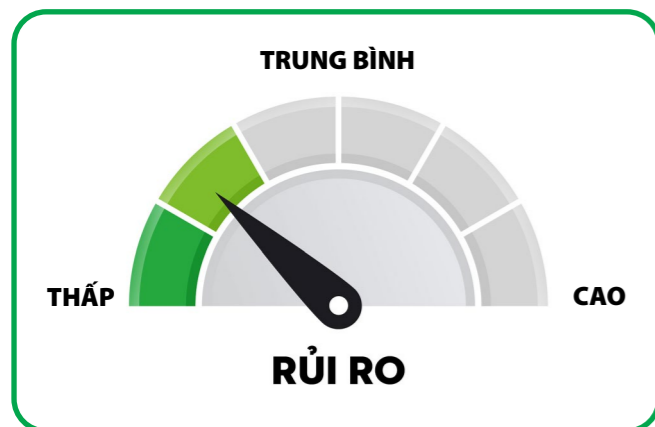
DANH MỤC THẬN TRỌNG

- ✓ Danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, trả cổ tức cao và đều đặn, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá thấp so với các yếu tố cơ bản.
- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư thận trọng, có mức độ chịu rủi ro thấp và thời gian đầu tư dài hạn. Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 8-10%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp đầu tư khoản thu nhập cố định như Trái phiếu.

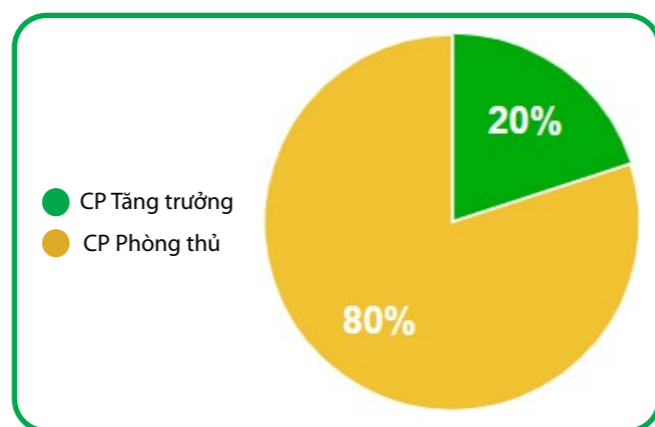
Tỷ suất cổ tức
>7%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
8-10%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CTG	●	Ngân hàng	40.4	34.75	16.3%	33.5 - 34.5	20%	9.2	1.4
PLX	●	Dầu khí	47.5	41.4	14.7%	39 - 41	20%	14.4	1.8
QNS	●	Mía đường	53.7	48.9	9.8%	46 - 47.5	20%	7.5	2.0
REE	●	Điện	71.3	65	9.7%	60 - 63	20%	17.1	1.5
VNM	●	Thực phẩm	86.5	66.3	30.5%	65 - 66.5	20%	14.3	3.9

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

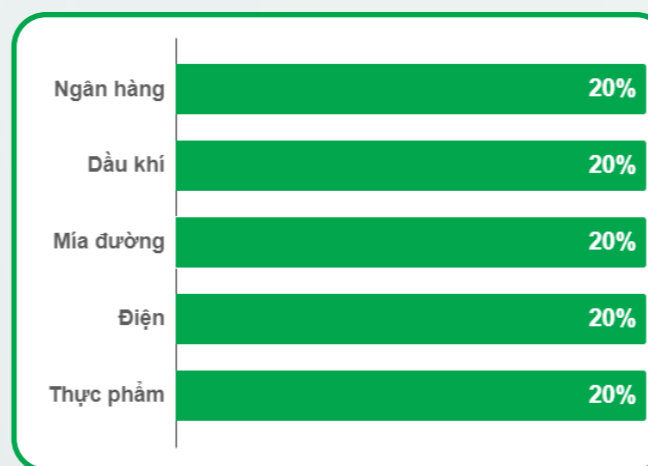
*Đơn vị: nghìn đồng

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

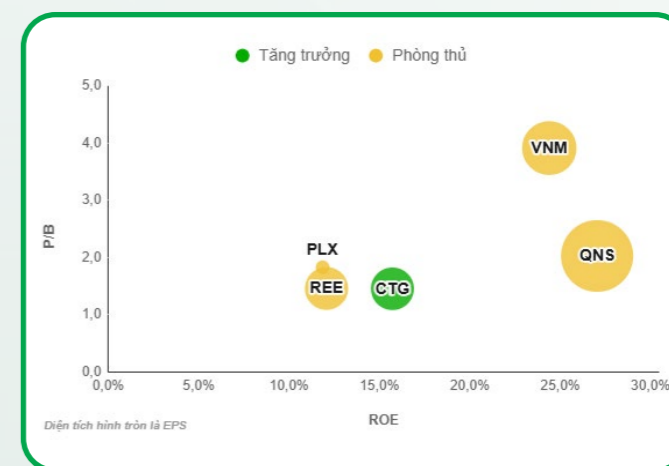
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

PHÂN BỐ THEO NGÀNH



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC THẬN TRỌNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC THẬN TRỌNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
ACB	●	Ngân hàng	27.4	25.1	9.2%	23.2 - 24	6.9	1.5	3,638
BMI	-	Bảo hiểm	23.5	21.25	10.6%	19.5 - 20.5	8.5	1.1	2,499
BWE	-	Nước	49	45	8.9%	42 - 44	15.5	1.9	2,908
KBC	-	BĐS Khu công nghiệp	41.6	26.25	58.5%	25 - 26	85.7	1.0	306
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	101.6	74.2	36.9%	65 - 69	13.2	3.6	5,630

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

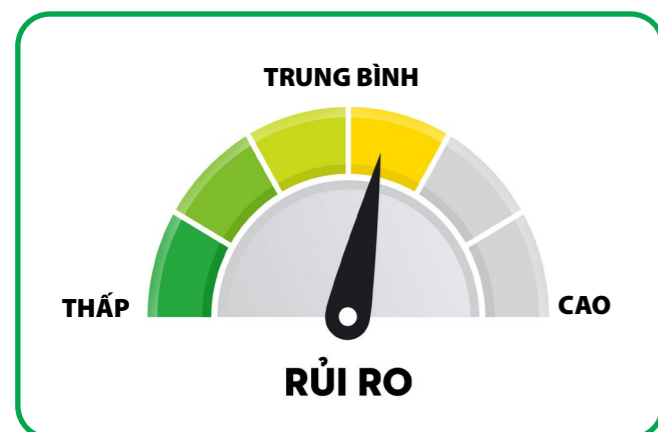
DANH MỤC CÂN BẰNG

- ✓ Danh mục này phù hợp với nhà đầu tư tương đối thận trọng, có mức độ chịu rủi ro TRUNG BÌNH và đầu tư trung/dài hạn và mong muốn tỷ suất sinh lợi tốt hơn lãi suất cố định.
- ✓ Tỷ suất sinh lời kỳ vọng 10-15%/năm.
- ✓ Danh mục có thể kết hợp 50% cp phòng thủ & 50% cp tăng trưởng.

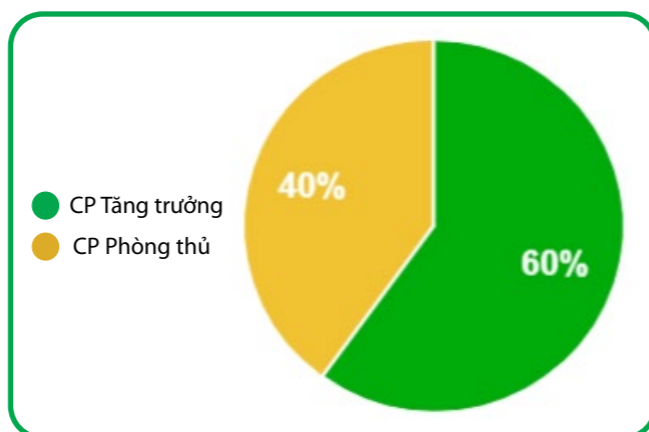
Tỷ suất cố tức
>5%

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
10-15%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
CTG	●	Ngân hàng	40.4	34.75	16.3%	33.5 - 34.5	20%	9.2	1.4
HCM	●	Chứng khoán	31.5	28.35	11.1%	26 - 27.5	20%	22.0	2.2
HPG	●	Thép	34	27	25.9%	25 - 26.5	20%	15.5	1.7
PHR	●	BĐS Khu công nghiệp	71	55.5	27.9%	53.5 - 55	20%	19.4	1.9
QNS	●	Mía đường	53.7	48.9	9.8%	46 - 47.5	20%	7.5	2.0

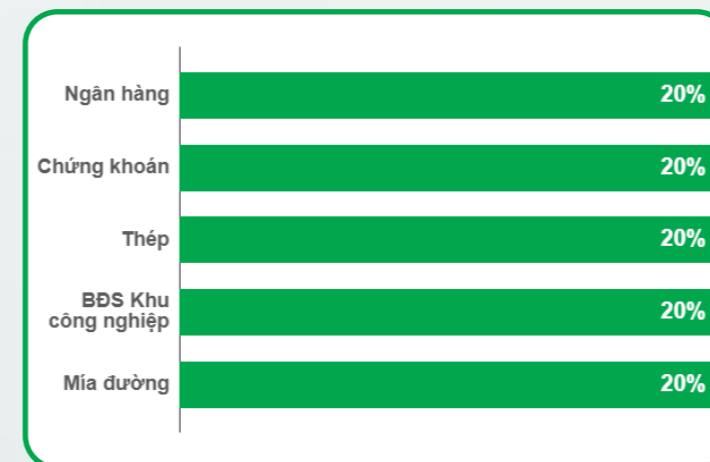
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

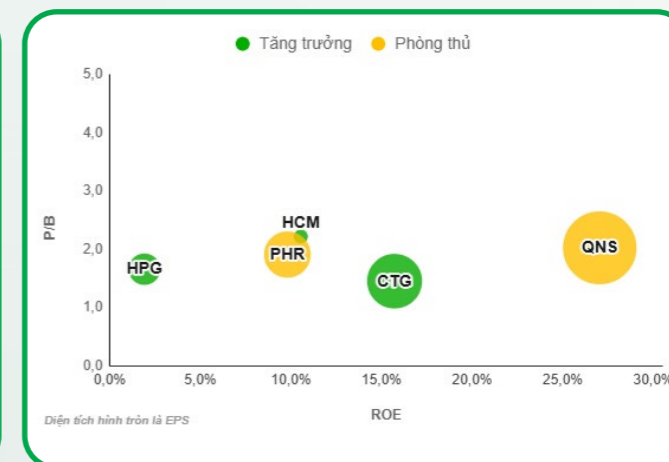
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC CÂN BẰNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC CÂN BẰNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
GAS	●	Dầu khí	75.5	70.6	6.9%	68.5 - 70	15.1	2.5	4,667
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59	36.45	61.9%	35 - 36	9.0	1.1	4,059
MBB	-	Ngân hàng	26.8	25	7.2%	23.5 - 24.5	6.2	1.3	4,021
TCB	●	Ngân hàng	28.9	24	20.4%	22 - 23.5	7.5	1.2	3,207
VNM	●	Thực phẩm	86.5	66.3	30.5%	65 - 66.5	14.3	3.9	4,633

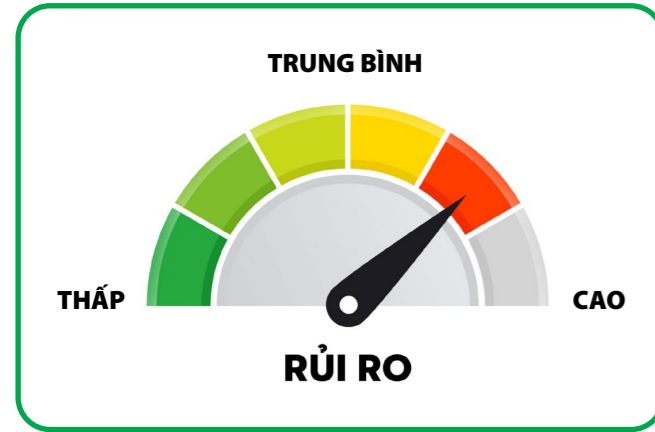
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

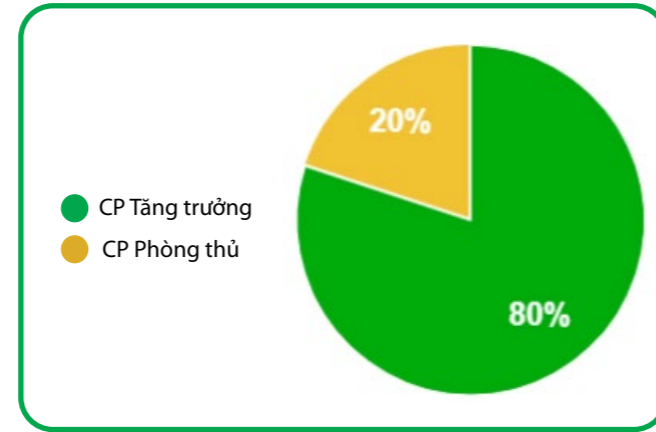
- ✓ Danh mục linh hoạt, tập trung vào cổ phiếu có tính thanh khoản cao và nền tảng doanh nghiệp tốt.
- ✓ Danh mục được xây dựng cho nhà đầu tư năng động, ưa thích các hoạt động giao dịch nhanh và thường xuyên theo dõi biến động thị trường.
- ✓ Khẩu vị rủi ro ở mức cao và kỳ vọng thu lợi nhuận vượt trội so với bình quân thị trường, lợi nhuận kỳ vọng 22% - 25%/năm.

Tỷ suất sinh lời kỳ vọng
22-25%

RỦI RO DANH MỤC



TỶ TRỌNG DANH MỤC



DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	Tỷ trọng	P/E	P/B
ACB	●	Ngân hàng	27.4	25.1	9.2%	23.2 - 24	20%	6.9	1.5
HPG	●	Thép	34	27	25.9%	25 - 26.5	20%	15.5	1.7
KBC	●	BĐS Khu công nghiệp	41.6	26.25	58.5%	25 - 26	20%	85.7	1.0
KDH	●	BĐS Dân cư	42.4	33.5	26.6%	31.5 - 32.5	20%	55.4	2.2
MSN	●	Thực phẩm	85.6	78.1	9.6%	70 - 75	20%	87.0	2.9

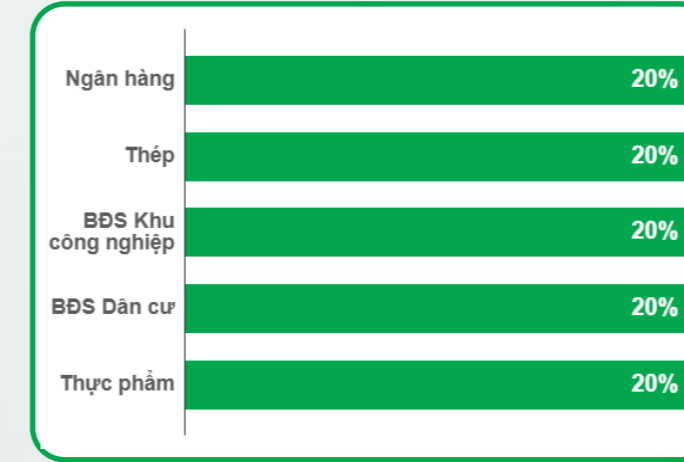
Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

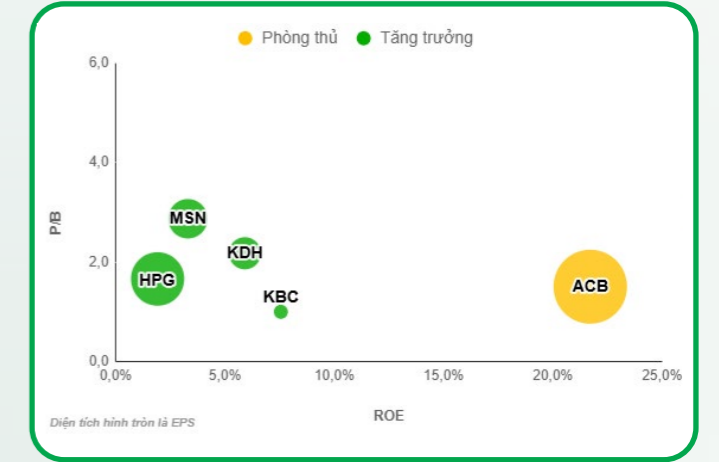
Giá mục tiêu* 2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

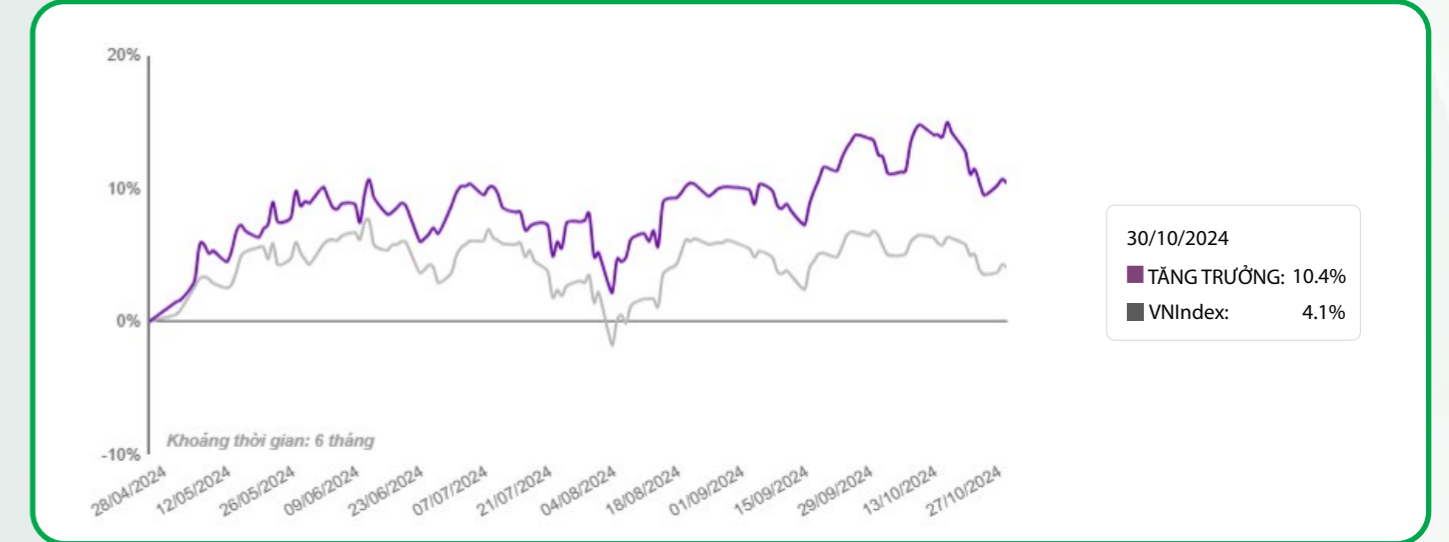
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



HIỆU SUẤT DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG



DANH SÁCH CỔ PHIẾU CHỜ CHO DANH MỤC TĂNG TRƯỞNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BSR	-	Dầu khí	24	21.5	11.6%	18.5 - 20	8.9	1.2	2,403
HAH	●	Cảng - Vận tải	50.4	43.75	15.2%	39.5 - 41	12.3	1.6	3,562
HDG	-	BĐS Dân cư	28.3	26.65	6.2%	23 - 25	13.4	1.2	1,989
NLG	-	BĐS Dân cư	43.9	39.4	11.4%	35.5 - 37.5	49.7	1.1	793
PVD	●	Dầu khí	33.2	25.6	29.7%	23 - 25	22.3	0.9	1,150

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024
*Đơn vị: nghìn đồng

DANH MỤC MIDCAP

✓ Danh mục đầu tư Midcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa, thường có vốn hóa thị trường từ 5,000 – 15,000 tỷ đồng. Các cổ phiếu Midcap có tiềm năng tăng trưởng cao hơn các công ty Largecap vì chúng có nhiều dư địa phát triển hơn. Tuy nhiên, Midcap cũng đi kèm với rủi ro cao hơn Largecap vì các công ty này thường ít ổn định hơn và dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường.

✓ Midcap là một lựa chọn đầu tư hấp dẫn cho nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao và muốn kiếm lợi nhuận cao

DANH MỤC MIDCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BAF	-	Chăn nuôi	24	22.8	5.3%	20 - 21	33.63	2.7	678
BWE	●	Nước	49	45	8.9%	42 - 44	15.5	1.9	2,908
CTD	●	Xây dựng	74	67	10.4%	62.5 - 65	22.4	0.8	2,996
DXG	-	BDS Dân cư	19.5	16.55	17.8%	15 - 16	66.5	0.8	249
HDG	-	BDS Dân cư	28.3	26.65	6.2%	23 - 25	13.4	1.2	1,989
HSG	●	Thép	23.5	20.35	15.5%	19.5 - 20.5	11.1	1.2	1,826
IJC	-	BDS Dân cư	14.8	13.3	11.3%	12.2 - 12.8	9.4	0.6	1,411
PC1	●	Xây dựng	31.8	26.85	18.4%	24.5 - 26	30.1	1.1	892
PVT	●	Cảng - Vận tải	30.7	27.5	11.6%	25 - 26.5	9.8	1.1	2,802
SCS	●	Hàng không - Du lịch	95.6	74.3	28.7%	68 - 72	11.7	5.3	6,377
SZC	●	BDS Khu công nghiệp	42	39.2	7.1%	36 - 37.5	24.9	2.6	1,572
TCH	●	BDS Dân cư	19	16.1	18.0%	14 - 15	10.4	0.9	1,546

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

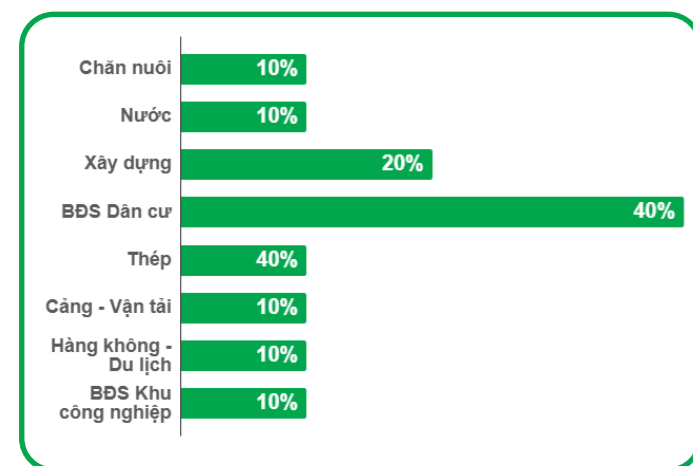
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

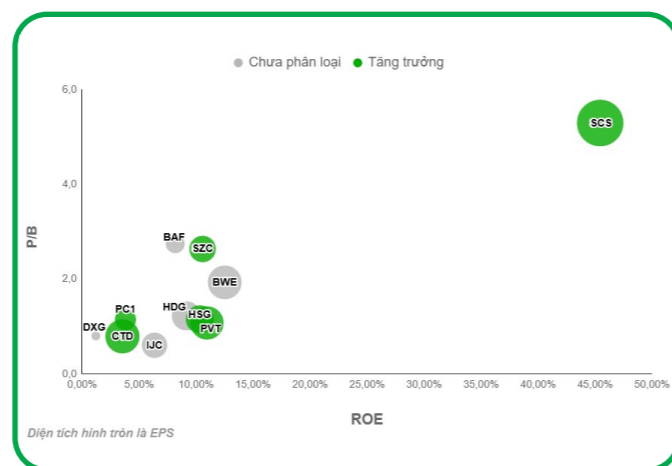
Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



DANH MỤC SMALLCAP

✓ Danh mục đầu tư Smallcap tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa nhỏ, thường có vốn hóa thị trường dưới 5,000 tỷ đồng. Mục tiêu của danh mục nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những "ngôi sao tương lai" giúp nhà đầu tư sớm phát hiện những công ty tiềm năng trước khi chúng trở nên nổi tiếng và tăng giá mạnh.

✓ Các cổ phiếu Smallcap thường biến động mạnh hơn so với các cổ phiếu vốn hóa lớn, dễ bị ảnh hưởng bởi biến động thị trường, tin tức. Danh mục phù hợp với nhà đầu tư có khẩu vị rủi ro cao, chấp nhận rủi ro cao để kiếm lợi nhuận đột phá.

DANH MỤC SMALLCAP

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
CTI	-	Xây dựng	17.8	16	11.3%	14 - 15	11.0	0.6	1,455
DHC	●	Giấy	38	35.3	7.6%	31.5 - 33.5	11.5	1.5	3,067
DPR	●	BDS Khu công nghiệp	53.3	38.7	37.7%	36 - 38	13.2	1.1	2,931
DRC	●	Ô tô - Phụ tùng	30.3	28.2	7.4%	25 - 27.5	12.5	1.8	2,259
HAH	●	Cảng - Vận tải	50.4	43.75	15.2%	39.5 - 41	12.3	1.6	3,562
HAX	●	Ô tô - Phụ tùng	18.5	17.1	8.2%	14 - 15	16.2	1.5	1,053
LHG	●	BDS Khu công nghiệp	59.0	36.45	61.9%	35 - 36	9.0	1.1	4,059
PVP	●	Cảng - Vận tải	18	15.9	13.2%	15 - 15.8	8.0	0.9	1,978
TNG	●	Dệt may	28	25	12.0%	23 - 24.5	10.4	1.7	2,414
VLB	-	Cát, Đá	45	39.5	13.9%	36 - 39	8.7	2.8	4,530

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

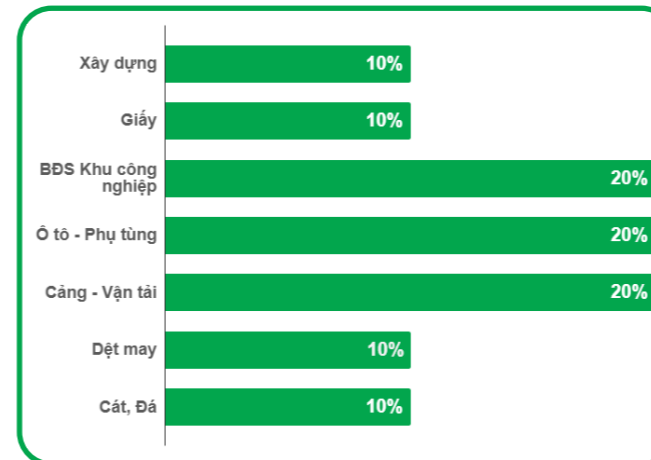
● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

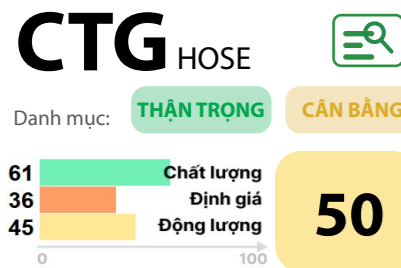
PHÂN BỐ THEO NGÀNH (%)



TƯƠNG QUAN GIỮA ROE VÀ P/B



ĐIỂM NHẤN DOANH NGHIỆP



Giá mục tiêu:	40,400
Giá hiện tại:	34,750
Lợi nhuận kỳ vọng:	16.3%
Vùng mua:	33,500 - 34,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	10.5%
+/- LNST (Q2/24):	3.1%
EPS:	3,782
ROE:	15.7%

Ngày 17/10, CTG đã tổ chức thành công Đại hội cổ đông bất thường và thông qua việc bầu bổ sung hai thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2024-2029.

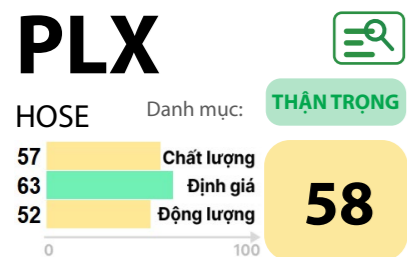
Cho Q3-2024, chúng tôi dự phóng Thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập hoạt động/ LNTT hợp nhất tăng trưởng lần lượt 19% YoY/12% YoY/42% YoY. Các động lực chính cho tăng trưởng LNTT đến từ (1) NIM mở rộng 5 bps trên nền thấp của cùng kỳ, (2) quy mô tín dụng tăng trưởng khoảng 16% YoY (hay 9% từ đầu năm), và (3) chi phí trích lập dự phòng rủi ro tín dụng giảm 7% YoY. Chi phí tín dụng cũng được dự báo giảm 12% so với quý trước nhờ hoàn nhập một phần chi phí dự phòng đã trích lập cho phần nợ xấu trong Q2-2024 sau đó đã được kiểm soát và đưa về

nhóm nợ tiêu chuẩn. Tại cuối Q3-2024, tỷ lệ nợ xấu trước CIC là 1,4%.

Lũy kế 9T-2024, LNTT ước đạt 19,9 nghìn tỷ đồng, tăng 14% YoY và hoàn thành 67% dự phóng LNTT 2024F hiện tại.

Đối với dự phóng 2024F, chúng tôi điều chỉnh giảm 5% LNTT 2024F so với dự phóng trước đó xuống mức 27,9 nghìn tỷ đồng (+12% YoY) từ mức 29,5 nghìn tỷ đồng (+18% YoY).

"Ước tính Lợi nhuận trước thuế hợp nhất Q3/2024 tăng trưởng 42% so với cùng kỳ."



Giá mục tiêu:	47,500
Giá hiện tại:	41,400
Lợi nhuận kỳ vọng:	14.7%
Vùng mua:	39,000 - 41,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	12.3%
+/- LNST (Q2/24):	47.5%
EPS:	2,874
ROE:	12.6%

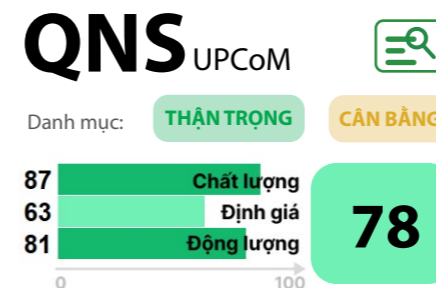
Trong Q2/2024, doanh thu thuần: 73.837 tỷ đồng (+12,3% yoy). LNST: 1.199 tỷ (+47,5% yoy). KQKD tăng trưởng mạnh với động lực chính đến từ giá bán xăng dầu trung bình tăng 8% yoy theo xu hướng tăng của giá dầu thế giới (+14% yoy) và sản lượng dầu DO tiêu thụ chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu sản lượng xăng dầu xuất bán khi giá bán dầu DO lại có mức tăng cao nhất (10% yoy) trong các sản phẩm, biên lợi nhuận gộp tăng từ 5,9% lên 6,3% và thu nhập khác 121 tỷ đồng.

Biên lợi nhuận cải thiện khi chi phí định mức được cải thiện từ tháng 7/2024. Trong kỳ điều chỉnh giá ngày 4/7/2024, trước diễn biến giá xăng dầu thế giới biến động tăng, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính đã điều chỉnh tăng chi phí

kinh doanh định mức áp dụng trong giá cơ sở xăng dầu, nhằm bảo đảm biến động giá xăng dầu trong nước phù hợp với biến động giá xăng dầu thế giới.

Những điểm mới của Dự thảo Nghị định (số 3) thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP có tác động tích cực đối với các thương nhân kinh doanh và phân phối xăng dầu như PLX.

"KQKD tăng trưởng mạnh do giá bán xăng dầu tăng theo xu hướng thế giới."



Giá mục tiêu:	53,700
Giá hiện tại:	48,900
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.8%
Vùng mua:	46,000 - 47,500

+/- Doanh thu (Q3/24):	10.5%
+/- LNST (Q3/24):	5.1%
EPS:	6,551
ROE:	27.0%

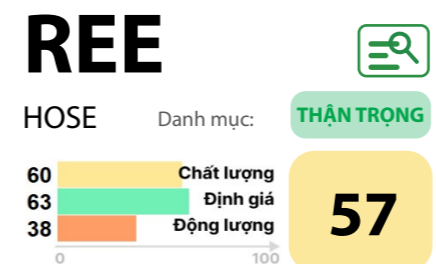
Trong Q3/2024, doanh thu thuần đạt 2.726 tỷ đồng (-3,3% QoQ, +10,5% YoY), cụ thể ở hai mảng cốt lõi: (1) Mảng đường đạt 1.041 tỷ đồng (-1,7% QoQ, +14,7% YoY). Trong suốt T7, T8, T9, sản lượng đường bán duy trì 20k tấn/tháng (tương tự quý trước), nhưng giá bán giảm dần về mức 18.250 đồng/kg, có thể do cầu trong nước yếu trong khi tồn kho dư thừa sau mùa thu hoạch và tình trạng nhập lậu cao; (2) Mảng sữa đậu nành đạt 1.213 tỷ đồng (+2,4% QoQ, +7,5% YoY). Sản lượng sữa đi ngang QoQ, với 73 triệu lít/quý trong khi giá bán cải thiện nhẹ 2,3% QoQ.

LNST Cty Mẹ đạt 532 tỷ đồng (-22,9% QoQ, +5,1% YoY). Bên cạnh giá đường sụt giảm, mức giảm QoQ của LNST cũng được góp phần từ việc tăng khuyến mãi, quảng cáo

cho mảng sữa trong bối cảnh ra mắt sp mới và kích cầu. (CPBH&QLDN/D.thu thuần của mảng sữa tăng 689 bps QoQ).

Với sức cầu âm đạm hơn dự kiến, đường nhập lậu tăng và sau mùa vụ "tốt" của mía đường khiến tồn kho đường tăng, đẩy giá bán giảm nhanh hơn dự kiến trong năm 2024. Lưu ý thêm, triển vọng 2025 cho mùa vụ đường mía Thái Lan (nguồn đường lậu chủ yếu), Việt Nam tốt hơn cũng có thể khiến giá đường nội địa gặp khó.

"Doanh thu thuần và LNST Q3/2024 tăng trưởng so với cùng kỳ. Lũy kế 9T2024, QNS đã hoàn thành 90% mục tiêu doanh thu và vượt 31% mục tiêu lợi nhuận năm."



Giá mục tiêu:	71,300
Giá hiện tại:	65,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.7%
Vùng mua:	60,000 - 63,000

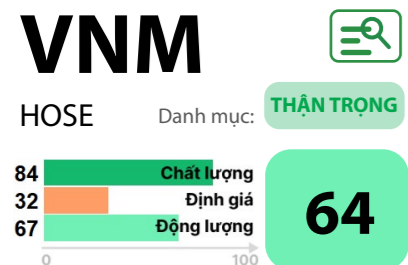
+/- Doanh thu (Q2/24):	0.3%
+/- LNST (Q2/24):	-27.4%
EPS:	3,798
ROE:	8.6%

REE công bố KQKD Q2/2024 yếu với doanh thu đi ngang đạt 2.183 tỷ đồng và LNST 355 tỷ đồng (-27.4% YoY). Nguyên nhân chính tới từ KQKD kém của mảng điện, vốn dĩ là mảng kinh doanh lõi (đóng góp 40% doanh thu và 80% LNST), khiến cho các mảng khác như cơ điện lạnh và BĐS dù ghi nhận tăng trưởng doanh thu nhưng không đủ bù đắp.

Chúng tôi cho rằng Q2/2024 là thời điểm REE ghi nhận KQKD tiêu cực nhất. Bước sang Q3 và Q4, LNST của REE sẽ phục hồi nhờ (1) đóng góp nhiều hơn của mảng BĐS và (2) chu kỳ thủy điện của REE rơi vào Q3 và đặc biệt là Q4. Chúng tôi dự báo doanh thu và LNST cả năm 2024F

đạt lần lượt 8.509 tỷ đồng (-1% YoY) và 2.021 tỷ đồng (-8% YoY). Nhìn xa hơn trong năm 2025, chúng tôi cho rằng KQKD REE sẽ tăng trưởng trở lại khi (1) Sản lượng thủy điện phục hồi nhờ chu kỳ La Nina và (2) Tỷ lệ lấp đầy cao hơn của tòa nhà Etown 6.

"Ghi nhận Doanh thu đi ngang do KQKD kém của mảng điện. Tuy nhiên, nửa cuối 2024, kỳ vọng sẽ phục hồi nhờ mảng BĐS và sự trở lại của chu kỳ thủy điện."



Giá mục tiêu:	86,500	+/- Doanh thu (Q2/24):	9.6%
Giá hiện tại:	66,300	+/- LNST (Q2/24):	21.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	30.5%	EPS:	4,633
Vùng mua:	65,000 - 66,500	ROE:	27.0%

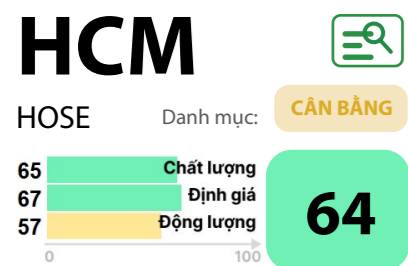
Doanh thu thuần Q2/2024 của VNM cao nhất từ trước đến nay, đạt 16.656 tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng ấn tượng 21% so với cùng kỳ đạt 2.670 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận gộp tiếp tục xu hướng tăng (ở mức 42,2% trong Q2/2024 so với 40,5% trong Q2/2023). Theo đó, tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện mạnh lên 16% trong Q2/2024 (cao hơn so với 15,6% trong Q1/2024 và 14,5% trong Q2/2023).

Chúng tôi kỳ vọng chiến dịch đổi mới thương hiệu cho sản phẩm sữa chua trong tháng 7/2024 và sữa công thức trong Q4/2024 sẽ giúp mở rộng thêm thị phần trong nửa cuối năm 2024. Chúng tôi cũng tin rằng thị phần của VNM sẽ tiếp tục tăng trong năm 2025 nhờ các chiến dịch đổi

mới thương hiệu, đổi mới sản phẩm và làm mới phương pháp tiếp thị.

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 10.214 tỷ đồng, cho thấy tốc độ tăng trưởng hàng năm là 15%. Trong nửa cuối năm 2024, VNM được dự báo tiếp tục ghi nhận KQKD tích cực, với lợi nhuận thuần tăng 11% so với cùng kỳ và tăng 10% so với nửa đầu năm. Cho Q3, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 2,7 nghìn tỷ đồng, tăng 10% so với cùng kỳ.

"Kỳ vọng duy trì tăng trưởng trong nửa cuối 2024 nhờ thay đổi nhận diện và tái cấu trúc sản phẩm."



Giá mục tiêu:	31,500	+/- Doanh thu (Q3/24):	325.3%
Giá hiện tại:	28,350	+/- LNST (Q3/24):	3.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.1%	EPS:	1,291
Vùng mua:	26,000 - 27,500	ROE:	10.5%

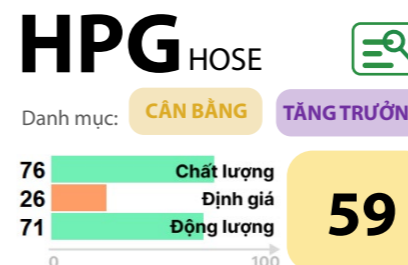
Trong Q3/2024, lợi nhuận trước thuế của HSC đạt 275 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Lũy kế 9 tháng đầu năm, HSC ghi nhận lợi nhuận đạt 1.011 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2023, hoàn thành 70% kế hoạch năm 2024.

Doanh thu quý 3 đạt 1138 tỷ đồng, tăng 325.3% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán đạt 193 tỷ đồng, giảm 14% so với cùng kỳ chủ yếu do thanh khoản thị trường giảm. Tuy nhiên, trong quý 3, thị phần môi giới của HSC tiếp tục cải thiện so với quý trước và đạt 6,7%, đánh dấu 5 quý liên tiếp gia tăng thị phần. Hiện tại, HSC giữ vị trí top 5 thị phần lớn nhất HoSE.

Doanh thu từ hoạt động cho vay ký quỹ đạt 478 tỷ đồng, tăng 64% so với cùng kỳ năm 2023. Dư nợ cho vay ký quỹ của HSC tiếp tục đà tăng trưởng và đạt hơn 19.000 tỷ đồng vào cuối quý 3/2024

Doanh thu từ hoạt động tự doanh đạt 152 tỷ đồng, tăng 38% so với cùng kỳ năm 2023. Mảng tư vấn tài chính DN ghi nhận doanh thu 2 tỷ đồng.

"Trong Q3/2024, thị phần môi giới tiếp tục cải thiện. Cho vay ký quỹ đóng góp lớn vào tổng thu nhập của HSC."



Giá mục tiêu:	34,000	+/- Doanh thu (Q2/24):	34.1%
Giá hiện tại:	27,000	+/- LNST (Q2/24):	127.3%
Lợi nhuận kỳ vọng:	25.9%	EPS:	1,746
Vùng mua:	25,000 - 26,500	ROE:	10.7%

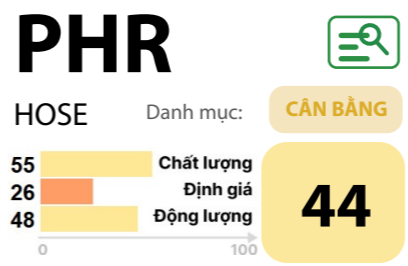
HPG công bố KQKD sơ bộ Q3/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 3.022 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ. Mặc dù giảm 9% so với quý trước do ảnh hưởng của yếu tố mùa vụ, lợi nhuận thuần vẫn tăng trưởng ấn tượng nhờ mảng nông nghiệp và BĐS KCN. Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, lợi nhuận thuần tăng mạnh 139% so với cùng kỳ đạt 9,2 nghìn tỷ đồng, trên doanh thu thuần 104,4 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ.

Theo HPG, lợi nhuận thuần từ mảng nông nghiệp tăng mạnh 80% so với cùng kỳ đạt 281 tỷ đồng (tăng 25% so với quý trước). Với kết quả đáng ngạc nhiên này, mảng nông nghiệp hiện đóng góp 9% lợi nhuận thuần Q3/2024 của HPG. Bên cạnh đó, lợi nhuận thuần mảng BĐS KCN/BDS

tăng vọt 398% so với cùng kỳ và 175% so với quý trước đạt 171 tỷ đồng, đóng góp 6% lợi nhuận thuần Q3/2024 của HPG, so với mức chỉ 2% trong các quý trước đó.

Chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần năm 2024 đạt 12 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 76%) trên doanh thu thuần 139 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 17%). Với lợi nhuận thuần Q3/2024 chúng tôi ước tính lợi nhuận thuần Q4/2024 sẽ đạt 2.797 tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước.

"KQKD sơ bộ Q3/2024 tích cực, với lợi nhuận thuần đạt 3.022 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ, nhờ mảng nông nghiệp và BĐS KCN tăng trưởng mạnh mẽ."



Giá mục tiêu:	71,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	-9.1%
Giá hiện tại:	55,500	+/- LNST (Q3/24):	-19.0%
Lợi nhuận kỳ vọng:	27.9%	EPS:	2,858
Vùng mua:	53,500 - 55,000	ROE:	9.8%

Theo BCTC riêng Q3/2024, PHR ghi nhận doanh thu thuần đạt 318 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp trong kỳ tăng 71%, đạt 32,5 tỷ đồng. Đồng thời, doanh thu tài chính riêng của PHR trong kỳ cao gấp 7 lần so với quý 3/2023, đạt 22 tỷ đồng.

Sau khi trừ các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh, Cao su Phước Hòa ghi nhận lợi nhuận sau thuế riêng đạt 33 tỷ đồng, tăng đột biến so với mức lợi nhuận chỉ 713 triệu đồng trong Q3/2024.

Tính chung 9 tháng đầu năm, công ty mẹ Cao su Phước Hòa ghi nhận doanh thu đạt 772 tỷ đồng, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2023. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế giảm tới 76%, còn 62 tỷ đồng, do kết quả kinh doanh ảm đạm

trong nửa đầu năm. Như vậy, sau 9 tháng đầu năm, công ty đã hoàn thành được 53% kế hoạch doanh thu và 25% kế hoạch lợi nhuận cả năm nay.

Chúng tôi nhận định giá cao su của Việt Nam sẽ tiếp tục neo ở mức cao, trên 1.600 USD/tấn, và phản ứng theo tình trạng cung cầu của ngành cao su thế giới. Trong bối cảnh trên, PHR sẽ là một trong những doanh nghiệp hưởng lợi điển hình.

"Sức khỏe ngành Cao su cải thiện nhờ giá bán phục hồi là động lực thúc đẩy tăng trưởng lợi nhuận của PHR trong Q3/2024."

ACB

HOSE Danh mục: **TĂNG TRƯỞNG**



Giá mục tiêu:	27,400
Giá hiện tại:	25,100
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.2%
Vùng mua:	23,200 - 24,000

+/- Doanh thu (Q3/24):	-3.4%
+/- LNST (Q3/24):	-4.1%
EPS:	3,638
ROE:	21.7%

LNTT riêng Q3-2024 đạt 4,844 tỷ đồng, giảm 4% YoY. LNTT Q3-2024 thấp hơn nhiều với kỳ vọng trước đó (5,800 tỷ đồng) do Thu nhập lãi thuần thấp hơn 6% so với kỳ vọng (NIM giảm gần 40 bps YoY xuống 3,6% so với kỳ vọng 3,9%) và thu nhập ngoài lãi khác (lãi từ kinh doanh ngoại hối, chứng khoán và thu hồi nợ xấu) giảm mạnh từ nền cao của năm ngoái. LNTT 9T 2024 đạt 15,335 tỷ đồng, tăng trưởng 2% YoY (1H-2024: +5% YoY). Kết quả này hoàn thành 70% dự phóng LNTT cả năm hiện tại.

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) Q3 đạt 8,1 nghìn tỷ đồng (-3% YoY và -6% QoQ), lũy kế 9T-2024 đạt 24,9 nghìn tỷ đồng (+2% YoY). Trong đó: Thu nhập lãi thuần Q3 đạt 6,9 nghìn tỷ đồng, tăng 11% YoY nhưng giảm 3% so với

Q2-2024; Thu nhập từ hoạt động dịch vụ ghi nhận 747 tỷ, giảm 2% YoY và giảm 15% QoQ, phù hợp với kỳ vọng; Thu nhập ngoài lãi khác chỉ đạt 507 tỷ đồng, giảm mạnh 65% YoY và 26% QoQ.

Chi phí hoạt động Q3-2024 ghi nhận 2,9 nghìn tỷ đồng (+2% YoY). Hệ số CIR (TTM) đạt 33.5%, cải thiện hơn so với con số 36.9% cùng kỳ năm trước. Chất lượng tài sản ổn định so với quý trước với tỷ lệ nợ xấu đi ngang ở mức 1.49%.

“Lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lãi từ mua bán chứng khoán giảm mạnh từ nền cao của năm ngoái.”

KBC

HOSE Danh mục: **TĂNG TRƯỞNG**



Giá mục tiêu:	41,600
Giá hiện tại:	26,250
Lợi nhuận kỳ vọng:	58.5%
Vùng mua:	25,000 - 26,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	-61.7%
+/- LNST (Q2/24):	-75.8%
EPS:	306
ROE:	1.2%

Do nền cao kỉ lục của đầu năm 2023, KBC không thể thoát khỏi tăng trưởng âm dù KQKD không quá tệ. Doanh thu thuần đạt 892 tỷ (-62% YoY), LNTT đạt 382 tỷ (-70% YoY). Trong đó, mảng kinh doanh cốt lõi là KCN ghi nhận 532 tỷ doanh thu (-76% YoY) do chỉ ghi nhận khoảng 15 ha cho thuê tại KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh và KCN Quang Châu. Trái lại, nhờ bàn giao nhà ở xã hội tại Bắc Giang, mảng chuyển nhượng BĐS ghi nhận 219 tỷ (+655% YoY). Tính trên 6 tháng, doanh thu thuần đạt 1.044 tỷ (-77% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 191 tỷ (-91% YoY), lần lượt hoàn thành 12% và 5% kế hoạch năm 2024.

Với việc lùi giả định tiến độ mở bán các dự án quan trọng là KCN Tràng Duệ 3 và KĐT Tràng Cát, lần lượt sang năm 2025 và năm 2026, chúng tôi ước tính doanh thu thuần

năm 2024 đạt 2.816 tỷ, trong đó, khoảng 1.500 tỷ đến từ cho thuê khoảng 30-40 ha từ KCN Quang Châu và KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh. Biên lợi nhuận gộp và biên LNTT giảm về mức 51% và 35%, phản ánh việc tỷ trọng mảng cho thuê KCN giảm.

Sau Đại hội cổ đông 2024, KBC đã thông qua kế hoạch tăng vốn chủ sở hữu thông qua phát hành riêng lẻ 250 triệu cổ phiếu, với giá không dưới 80% giá đóng cửa trung bình của 30 phiên liên trước. Ước tính KBC sẽ thu về khoảng 6.000 tỷ đồng từ đợt phát hành này.

“Ước tính số tiền thu được từ đợt phát hành riêng lẻ sẽ giúp KBC tăng cường khả năng thực hiện các dự án lớn và đáp ứng yêu cầu vốn theo luật Kinh doanh Bất động sản.”

KDH

HOSE Danh mục: **TĂNG TRƯỞNG**



Giá mục tiêu:	42,400
Giá hiện tại:	33,500
Lợi nhuận kỳ vọng:	26.6%
Vùng mua:	31,500 - 32,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	10.7%
+/- LNST (Q2/24):	12.8%
EPS:	605
ROE:	3.9%

KDH báo cáo doanh thu 6T24 đạt 978 tỷ đồng (-2,9% YoY) và LNST đạt 344 tỷ đồng (-24,7% YoY), hoàn thành lần lượt 25% và 44% kế hoạch tài chính. Tuy nhiên, công ty không tiết lộ các dự án, nguồn tin liên quan đến doanh thu và lợi nhuận ròng được báo cáo. Nửa đầu năm, hàng tồn kho của công ty tăng 2.767 tỷ đồng, trong đó phần lớn được tài trợ từ nợ dài hạn, tăng 1.100 tỷ đồng. Đóng góp lớn nhất là từ Clarita và Emeria, với giá trị hàng tồn kho tăng lần lượt ~1.000 tỷ đồng và 151 tỷ đồng.

Việc bán trước trong năm 2024 sẽ tương đối khó khăn trong bối cảnh tâm lý thị trường hiện tại. Doanh số bán trước sẽ đến từ Clarity và Emeria, hai sản phẩm mà chúng tôi dự kiến sẽ ra mắt vào quý 4 năm nay. Hai dự án này sẽ cung cấp tổng cộng khoảng 200 căn nhà phố và 600 căn

hộ chung cư. Các dự án dài hạn khác như Tân Tạo, Lê Minh Xuân vẫn đang trong quá trình triển khai và chưa ghi nhận doanh thu

Chúng tôi giữ nguyên dự báo trước đó về doanh thu hợp nhất là 3.822 tỷ đồng (+83% YoY) và LNST là 1.322 tỷ đồng (+82,7% YoY). Phần lớn doanh thu và thu nhập (90%-95%) sẽ đến từ việc bàn giao Privia, dự kiến vào Quý 4 năm 2024. Khoảng 70% đến 90% tổng số căn hộ của Privia sẽ được bàn giao trong quý 4 năm nay.

“Kỳ vọng LNST năm 2024 tăng trưởng 82.7%YoY nhờ những dự án trọng điểm được bàn giao.”

MSN

HOSE Danh mục: **TĂNG TRƯỞNG**



Giá mục tiêu:	85,600
Giá hiện tại:	78,100
Lợi nhuận kỳ vọng:	9.6%
Vùng mua:	70,000 - 75,000

+/- Doanh thu (Q3/24):	6.6%
+/- LNST (Q3/24):	1349.2%
EPS:	898
ROE:	3.3%

KQKD Q3/2024 của MSN tích cực. Doanh thu thuần đạt 21.487 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ và 7% so với quý trước. Trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 701 tỷ đồng, tăng 14 lần so với cùng kỳ và 39% so với quý trước.

Các động lực tăng trưởng chính là sự cải thiện vững chắc ở các mảng kinh doanh cốt lõi, bao gồm mức tăng lợi nhuận thuần 14% của Masan Consumer (MCH; Mua vào, giá mục tiêu 268.200đ; MSN nắm giữ 68,3% cổ phần) và lợi nhuận thuần 20 tỷ đồng (so với lỗ khoảng 130 tỷ đồng trong Q3/2023) của mảng kinh doanh bách hóa WinCommerce (WCM; chưa niêm yết; tỷ lệ sở hữu của MSN vừa được nâng lên 78,6% từ 71,5%). Trong khi đó, lỗ tài chính giảm đáng kể nhờ lỗ tỷ giá giảm.

Trong 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt 60,5 nghìn tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ. Trong khi lợi nhuận thuần đạt 1.308 tỷ đồng, tăng 255% so với cùng kỳ. Hơn nữa, chúng tôi dự báo MSN sẽ ghi nhận lợi nhuận không thường xuyên 651 tỷ đồng (sau thuế) nhờ bán H.C.Starck trong Q4/2024.

“KQKD Q3/2024 tích cực nhờ sự đóng góp mạnh mẽ từ Mảng kinh doanh tiêu dùng và Công ty liên kết, cùng với Chi phí tài chính giảm giúp lợi nhuận trong kỳ bút phá ngoài mong đợi.”

BAF

HOSE

Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	24,000
Giá hiện tại:	22,800
Lợi nhuận kỳ vọng:	5.3%
Vùng mua:	20,000 - 21,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	-22.9%
+/- LNST (Q2/24):	307.0%
EPS:	678
ROE:	8.2%

Quý 2/2024 ghi nhận sản lượng heo thịt xuất bán hơn 144 nghìn con, tiếp tục đạt mức cao kỷ lục kể từ khi thành lập. Lũy kế 6 tháng đầu năm, sản lượng heo bán ra đạt 252 nghìn con, tăng mạnh so với 135,2 nghìn con của cùng kỳ và hoàn thành khoảng 44% sản lượng bán hàng kế hoạch năm.

Về mặt doanh thu, mảng chăn nuôi đạt 805,35 tỷ +374,8% yoy nhờ tổng sản lượng heo xuất bán tăng hơn 137% yoy kết hợp giá heo hơi trung bình ở Q2/2024 tăng 16,4% svck. Nhờ vậy, BAF ghi nhận lợi nhuận gộp mảng chăn nuôi đạt 165 tỷ +241,6% yoy. Về LNST Q2/2024 BAF đạt 34,1 tỷ đồng, tăng 307% svck, nhưng lại giảm mạnh so với 119,5 tỷ đồng ở quý trước. Nguyên nhân, LNST không

cao như quý trước là do, Q1/2024 BAF ghi nhận hơn 90 tỷ đồng thu nhập khác ròng từ bán BĐS. Ngoài ra, việc liên tục gia tăng vay nợ khiến chi phí lãi vay tiếp tục tăng mạnh +55,1% svck khiến LNST suy giảm.

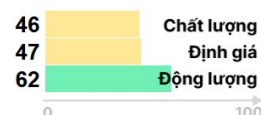
Cho phần còn lại của năm, chúng tôi kỳ vọng sản lượng heo hơi bán ra tiếp tục tăng mạnh svck, đặc biệt là trong Q4/2024 khi 3 trang trại đưa vào hoạt động cuối Q1/2024 đến giai đoạn ghi nhận doanh thu. Ngoài ra, chúng tôi cũng kỳ vọng giá heo sẽ tăng trở lại khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát và nhu cầu tiêu dùng tăng lên.

“Mảng chăn nuôi mang lại doanh thu khả quan nhờ ghi nhận sản lượng thịt heo xuất bán cao kỷ lục.”

BWE

HOSE

Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	49,000
Giá hiện tại:	45,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.9%
Vùng mua:	42,000 - 44,000

+/- Doanh thu (Q3/24):	12.1%
+/- LNST (Q3/24):	2.9%
EPS:	2,908
ROE:	12.5%

Sản lượng nước tiêu thụ năm 2024 kỳ vọng đạt 192.7 triệu m3 (+5% YoY), số đầu nổi mới kỳ vọng ở mức 23.000 (năm 2023 là 18.997). BWE đang xây dựng để xuất và trình UBND tỉnh vào Q3/2024 để xuất tăng giá bán nước từ 3-5%. Dự kiến Q4.2024 sẽ có kết quả và giá mới sẽ được áp dụng từ năm 2025.

BWE dự kiến tổng mức đầu tư trong 3 năm tới vào khoảng 3.000 tỷ đồng. Trong thời gian tới, BWE vẫn tiếp tục tìm kiếm các cơ hội M&A trong mảng kinh doanh cốt lõi trên cả nước. Bên cạnh đó, BWE hiện đang đề nghị giá rác mới vì sử dụng công nghệ đốt rác lấy điện. Sản lượng rác thải tiếp nhận và xử lý dự kiến tăng trưởng khoảng 3% hàng năm.

Cho năm 2024, chúng tôi dự báo KQKD của BWE với doanh thu tăng trưởng chủ yếu đến từ tăng trưởng sản lượng tiêu

thụ nước, nhưng biên LN thu hẹp do các loại chi phí xử lý nước tăng ảnh hưởng đến giá thành sản xuất nước, trong khi giá bán vẫn áp dụng biểu phí bán giai đoạn 2018-2022. Cụ thể, doanh thu đạt 4.140 tỷ đồng (+17% yoy), LNST đạt 766 tỷ đồng (+8% yoy), EPS 2024F đạt 3.953 đồng/cp.

Chúng tôi cho rằng thông tin lộ trình tăng giá nước tại Bình Dương kỳ vọng sớm được ban hành và triển vọng tích cực nhu cầu tiêu thụ nước sẽ giúp cho DN có sự cải thiện biên lợi nhuận năm 2025.

“Tăng trưởng BWE giai đoạn 2024-2030 chủ yếu từ mảng cấp nước, nhờ nhu cầu tăng, nâng cấp công suất, giá nước tăng, và hiệu quả M&A.”

CTD

HOSE

Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	74,000
Giá hiện tại:	67,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	10.4%
Vùng mua:	62,500 - 65,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	82.2%
+/- LNST (Q2/24):	94.9%
EPS:	2,996
ROE:	3.5%

Nhìn lại năm 2024, công ty chia sẻ lại một số thành tựu đã đạt được như tỷ lệ thắng thầu là 58%, cao hơn nhiều so với 20-30% của 3 năm trước đó, tỷ lệ ký mới hợp đồng với các khách hàng cũ (repeat sales) đạt 41/60 dự án, doanh thu/kỹ sư hơn 13,2 tỷ đồng/năm cao nhất từ trước đến nay. Cả năm ký mới được hơn 22.000 tỷ đồng giá trị hợp đồng mới và chuyển sang năm tài chính 2025 là 30.000 tỷ đồng giá trị hợp đồng chuyển tiếp, trong đó Back log của FDI chuyển qua 2025 là khoảng 40%.

Coteccons đặt KHKD cho năm 2025 (kết thúc vào tháng 6 hàng năm) với doanh thu đạt 25.000 tỷ đồng, +18,8% svck, biên lợi nhuận gộp đạt 4,34% tương ứng với 1.085 tỷ đồng

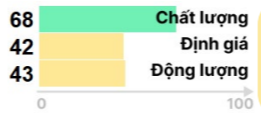
BLĐ chia sẻ Q1/2025 CTD đạt hơn 4,7 nghìn tỷ đồng doanh thu, tăng 15% svck và giảm 28% QoQ, hợp đồng ký mới đạt 8,5 nghìn tỷ đồng, trong đó repeat sale là 68,7%, giá trị hợp đồng đang đấu thầu là hơn 16,8 nghìn tỷ đồng, trong đó hơn 50% giá trị dự án là các hợp đồng repeat sale. BLĐ tư tin hoàn thành kế hoạch về giá trị hợp đồng ký kết mới trong năm 2025.

“BLĐ đặt kế hoạch tăng trưởng tích cực trong năm tài chính 2025 ở cả doanh thu lẫn LNST nhờ số lượng backlog đang có và kế hoạch ký mới trong thời gian tới”

DPR

HOSE

Danh mục: SMALLCAP



Giá mục tiêu:	53,300
Giá hiện tại:	38,700
Lợi nhuận kỳ vọng:	37.7%
Vùng mua:	36,000 - 38,000

+/- Doanh thu (Q3/24):	21.8%
+/- LNST (Q3/24):	19.3%
EPS:	2,931
ROE:	8.1%

Trong Q3/2024, doanh thu thuần đạt 348 tỷ đồng và lãi ròng đạt 44 tỷ đồng, lần lượt tăng 21.8% và 19.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, doanh thu thuần đạt 767,7 tỷ đồng và lãi ròng đạt 202,8 tỷ đồng, lần lượt tăng 26% và 31% so với cùng kỳ năm 2023. Qua đó, hoàn thành 91% kế hoạch về cả doanh thu và lợi nhuận cả năm nay.

Đối với mảng cao su, chúng tôi kỳ vọng sản lượng và giá bán cao su của Cao su Đồng Phú sẽ cải thiện trong những tháng tới nhờ lợi thế về nguồn cung và lượng tồn kho cao trong bối cảnh nguồn cung cao su trên toàn thế giới đang trong tình trạng khan hiếm.

Đối với mảng khu công nghiệp, chúng tôi nhận định hoạt động kinh doanh của DPR sẽ được hưởng lợi từ việc

chuyển đổi đất cao su sang đất khu công nghiệp, cùng những chính sách pháp lý liên quan đến việc mở rộng các khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và Nam Đồng Phú đã được thông qua vào đầu năm 2024.

Dự kiến Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú mở rộng sẽ nhận quyết định đầu tư vào và ghi nhận doanh thu trong giai đoạn 2025 - 2026. Trong giai đoạn 2025 - 2027, Cao su Đồng Phú có thể nhận 860 tỷ đồng từ việc đền bù đất.

“Với KQKD Q3/2024 tích cực, lũy kế 9T2024, DPR hoàn thành 91% kế hoạch cả năm về cả doanh thu và lợi nhuận.”

DXG

HOSE Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	19,500	+/- Doanh thu (Q2/24):	57.7%
Giá hiện tại:	16,550	+/- LNST (Q2/24):	-78.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	17.8%	EPS:	249
Vùng mua:	15,000 - 16,000	ROE:	1.2%

DXG công bố lợi nhuận thuần Q2/2024 đạt 33 tỷ đồng, giảm 78,9% so với cùng kỳ nhưng tăng 5,2% so với quý trước và sát với dự báo của chúng tôi, nhờ hoạt động bàn giao căn hộ tại dự án Opal Skyline. Ông Lương Trí Thìn, nhà sáng lập kiêm chủ tịch HĐQT, người đã gắn bó với Tập đoàn Đất Xanh trong 20 năm qua, thôi giữ chức vụ hiện tại từ ngày 3/7/2024. Theo quan điểm của chúng tôi, đây là yếu tố tiêu cực gây ảnh hưởng đến sự ổn định của DXG, trong bối cảnh các vấn đề pháp lý liên quan đến các dự án trọng điểm Gem Sky World và Datxanhhomes Riverside chưa được giải quyết.

Chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận thuần cho năm 2024 ở mức 114 tỷ đồng (giảm 35,2% so với cùng kỳ),

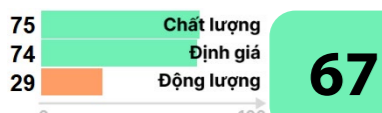
nhưng giảm lần lượt 9% và 5,1% dự báo cho năm 2025-2026 xuống 192 tỷ đồng (tăng trưởng 68,4%) và 353 tỷ đồng (tăng trưởng 83,5%). Dự báo mới của chúng tôi, hơi thấp hơn 29% so với bình quân dự báo của thị trường, cho thấy lợi nhuận thuần tăng trưởng với tốc độ CAGR giai đoạn 2023-2026 ở mức 26%.

DXG đang giao dịch ở mức chiết khấu 44,8% so với ước tính RNAV, lớn hơn một chút so với bình quân 3 năm ở mức 39,6%.

"Lợi nhuận thuần năm 2024 dự báo giảm so với cùng kỳ do các yếu tố nền tảng kém."

HDG

HOSE Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	28,300	+/- Doanh thu (Q2/24):	-1.0%
Giá hiện tại:	26,650	+/- LNST (Q2/24):	110.0%
Lợi nhuận kỳ vọng:	6.2%	EPS:	1,989
Vùng mua:	23,000 - 25,000	ROE:	9.1%

Trong quý 2/2024, HDG ghi nhận doanh thu 560 tỷ đồng (-1%YoY), trong đó doanh thu thủy điện vẫn ở mức thấp và đạt 205 tỷ đồng (-1%YoY, -16%QoQ); lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng (-24%YoY, -25%QoQ). Tuy nhiên, với việc giảm chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp (SG&A) cùng chi phí tài chính (tiếp tục từ việc cơ cấu lại các khoản nợ để giảm lãi vay), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 74 tỷ đồng (+110% YoY, -69%QoQ).

Cho năm 2024, chúng tôi duy trì kì vọng mảng năng lượng sẽ hồi phục nhẹ, đặc biệt từ quý 3/2024 với kỳ vọng về xác suất La Nina tăng lên đáng kể trong giai đoạn tháng 8-9. Cùng với việc công ty giảm được chi phí SG&A và chi phí lãi vay, chúng tôi ước tính LNST công ty mẹ, cho nửa

cuối năm và cho cả năm 2024, lần lượt đạt 405 tỷ đồng (+24%YoY, +37%HoH) và 700 tỷ đồng (+5%YoY, bằng 90% kế hoạch kinh doanh của công ty).

Công ty đã có chia sẻ về tiến độ các dự án hiện tại, với các dự án năng lượng tái tạo (NLTT) đang chờ quy định hướng dẫn về cơ chế đàm phán giá để chính thức triển khai các dự án. Với các dự án BĐS nhà ở, công ty duy trì kế hoạch triển khai bán hàng với dự án Charm Villa – giai đoạn 03 trong cuối năm 2024, tuy nhiên sẽ đánh giá về mức độ hấp thu của thị trường để đưa ra phương án bán hàng hợp lý.

"Kỳ vọng các dự án BĐS và năng lượng của HDG sẽ có thể khởi động lại trong năm 2025."

HSG

HOSE Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	23,500	+/- Doanh thu (Q2/24):	25.4%
Giá hiện tại:	20,350	+/- LNST (Q2/24):	1832.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.5%	EPS:	1,826
Vùng mua:	19,500 - 20,500	ROE:	10.3%

HSG ghi nhận doanh thu Quý 3 NĐTC 2024 đạt 10.840 tỷ đồng (+17,2% QoQ, +25,4% YoY) và lợi nhuận gộp đạt 1.337 tỷ đồng (+19,7% QoQ, +49,9% YoY), với biên lợi nhuận gộp cải thiện lên 12,3%. Lũy kế đến hết Quý 3, doanh thu đạt 29.162 tỷ đồng và lợi nhuận gộp đạt 3.404 tỷ đồng, tăng +74,0% YoY. Lợi nhuận sau thuế đạt 695,62 tỷ đồng (cải thiện so với mức lỗ ròng của cùng kỳ năm 2023, hoàn thành 231% kế hoạch kinh doanh).

Sản lượng có sự cải thiện ở các thị trường, với sản lượng tiêu thụ tôn mạ nội địa đạt 175.773 tấn (+50,7% QoQ, +42% YoY), xuất khẩu đạt 239.605 tấn (-7,4%QoQ, +32%YoY) trong quý 3.

Cho quý 4 NĐTC 2024, chúng tôi cho rằng thị trường

xuất khẩu sẽ gặp khó khăn khiến sản lượng tiêu thụ giảm -26,4% QoQ. Thị trường trong nước dự kiến tiếp tục phục hồi nhờ nhu cầu từ lĩnh vực khu công nghiệp, và thị trường bất động sản dân dụng đang trong quá trình hồi phục. Theo đó, tổng doanh thu ước đạt 8.808 (+7%YoY) tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt 956 tỷ đồng (GPM đạt 10,8%). Lợi nhuận sau thuế quý 4 NĐTC 2023 dự kiến đạt 136 tỷ đồng(-69%YoY).

"KQKD Quý 3 NĐTC 2024 ấn tượng nhờ bệ đỡ từ thị trường nội địa khi lĩnh vực KCN và Bất động sản đang trong quá trình hồi phục."

IJC

HOSE Danh mục: MIDCAP



Giá mục tiêu:	14,800	+/- Doanh thu (Q3/24):	-11.6%
Giá hiện tại:	13,300	+/- LNST (Q3/24):	25.0%
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.3%	EPS:	1,411
Vùng mua:	12,200 - 12,800	ROE:	6.4%

Trong quý III/2024, Becamex IJC ghi nhận doanh thu đạt 189,19 tỷ đồng, giảm 11,6% so với cùng kỳ; lợi nhuận sau thuế đạt 86,6 tỷ đồng, tăng 24,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 59,1%, về 51,3%.

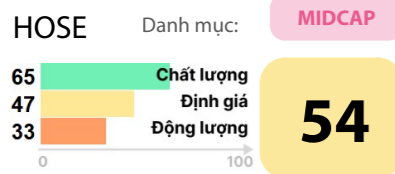
Trong kỳ, lợi nhuận gộp giảm 23,3% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 29,5 tỷ đồng, về 97,08 tỷ đồng; chi phí tài chính giảm 57,1%, tương ứng giảm 10,25 tỷ đồng, về 7,7 tỷ đồng; chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng 15,9%, tương ứng tăng thêm 3,8 tỷ đồng, lên 27,71 tỷ đồng; lãi công ty liên doanh, liên kết ghi nhận 43,52 tỷ đồng so với cùng kỳ không ghi nhận; và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

Xét về hoạt động kinh doanh cốt lõi, trong quý III, Becamex IJC ghi nhận lãi giảm 27,2% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 23,05 tỷ đồng, về 61,67 tỷ đồng. Như vậy, trong quý III lợi nhuận cốt lõi tăng trưởng âm nhưng lợi nhuận sau thuế tăng trưởng dương, nguyên nhân chủ yếu do hạch toán lãi công ty liên doanh, liên kết tăng đột biến.

Lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2024, Becamex IJC ghi nhận doanh thu đạt 714,36 tỷ đồng, giảm 43,1% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 199,34 tỷ đồng, giảm tới 37,5% so với cùng kỳ năm trước.

"Lợi nhuận quý III/2024 tăng nhờ lãi công ty liên doanh, liên kết."

PC1



Giá mục tiêu:	31,800	+/- Doanh thu (Q2/24):	109.9%
Giá hiện tại:	26,850	+/- LNST (Q2/24):	593.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	18.4%	EPS:	892
Vùng mua:	24,500 - 26,000	ROE:	3.8%

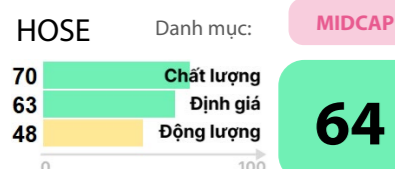
Nửa đầu năm 2024, PC1 ghi nhận doanh thu và LNST sau CĐTS lần lượt đạt 5.306 tỷ đồng (+78% y/y) và 240 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 2 tỷ đồng). Sự tăng trưởng mạnh mẽ này chủ yếu là do: (1) Hoạt động tổng thầu EPC ghi nhận doanh thu tăng trưởng 70% y/y khi ghi nhận 80% giá trị hợp đồng tại dự án Đz 500kV mạch 3; (2) ghi nhận kết quả kinh doanh khai thác Nickel với doanh thu 866 tỷ đồng (cùng kỳ không có); (3) doanh thu bán điện tăng trưởng 12% y/y nhờ sản lượng phát từ các nhà máy thủy điện tăng trưởng tốt; và (4) chính thức ghi nhận lợi nhuận từ Công ty liên kết Western Pacific khoảng 57 tỷ đồng.

Năm 2024, chúng tôi dự báo doanh thu 10.549 tỷ đồng (+36% y/y) và LNST sau CĐTS 505 tỷ đồng (gấp 14 lần so

với năm 2023). Năm 2025, doanh thu ước đạt 11.970 tỷ đồng (+14% y/y) và LNST sau CĐTS ước đạt 786 tỷ đồng (+56 y/y). Cơ sở dự báo: (1) doanh thu hoạt động tổng thầu EPC và sản xuất tăng trưởng mạnh mẽ; (2) các nhà máy thủy điện hưởng lợi nhờ tình hình thủy văn; (3) Công ty liên kết Western Pacific bắt đầu đóng góp lợi nhuận kể từ 2024; (4) dự án BĐS nhà ở Tháp Vàng được bàn giao 50% và ghi nhận 768 tỷ đồng doanh thu, 85 tỷ đồng LNST vào năm 2025; và (5) chi phí tài chính giảm khi dư nợ vay giảm.

“Dự phóng doanh thu 2024 đạt 10.549 tỷ đồng (+36% y/y) và LNST sau CĐTS 505 tỷ đồng (gấp 14 lần so với năm 2023).”

PVT



Giá mục tiêu:	30,700	+/- Doanh thu (Q2/24):	41.6%
Giá hiện tại:	27,500	+/- LNST (Q2/24):	-7.0%
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.6%	EPS:	2,802
Vùng mua:	25,000 - 26,500	ROE:	11.0%

Trong Q2/2024, PVT ghi nhận doanh thu đạt 2.994 tỷ VNĐ (tăng 41% svck), nhờ gia tăng công suất đội tàu khai thác khi đầu tư thêm 12 tàu từ năm 2023, giúp công suất +32% so với đầu năm 2023, bù đắp được mức sụt giảm sản lượng nội địa do nhà máy lọc dầu Dung Quất bảo dưỡng, đặc biệt là trong bối cảnh giá cước vận tải biển hấp dẫn, tăng bình quân từ +5.4% đến +12% svck. Theo đó, biên lợi nhuận gộp của doanh nghiệp đạt mức 23.31% - mức cao nhất trong 14 năm gần đây. Trong kỳ, LNST có sự giảm sút (-5% svck) do trong kỳ PVT ghi nhận khoản chi phí khác ở mức trị giá 63 tỷ đồng, liên quan đến các thỏa thuận với các đối tác của doanh nghiệp.

Lũy kế 6T2024, PVT ghi nhận tăng trưởng doanh thu và

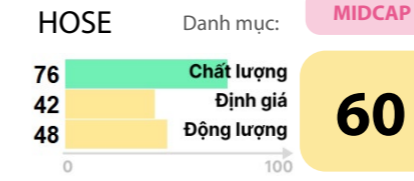
LNST lần lượt 33,5% và 9,7% svck, tương ứng hoàn thành 62,8% và 88,9% kế hoạch năm.

Triển vọng ngắn hạn, trong Q3/2024, chúng tôi kỳ vọng doanh nghiệp sẽ ghi nhận khoản thu nhập từ công ty con tích cực hơn khi công ty con là PVT Logistics ghi nhận khoản thanh lý tàu trị giá hơn 100 tỷ đồng.

Với kế hoạch mở rộng đội tàu, doanh nghiệp dự kiến mua thêm 3 tàu hàng rời, 1 tàu LPG, 1 tàu MR và sẽ bán 1 tàu dầu/ hóa chất, ước tính sẽ triển khai vào cuối năm nay. Hiện tại PVT đang được giao dịch tại mức P/E là 9,1x.

“Kỳ vọng lợi nhuận Q3/2024 tăng trưởng tích cực nhờ khoản thu nhập từ công ty con.”

SCS



Giá mục tiêu:	95,600	+/- Doanh thu (Q3/24):	55.0%
Giá hiện tại:	74,300	+/- LNST (Q3/24):	45.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	28.7%	EPS:	6,377
Vùng mua:	68,000 - 72,000	ROE:	45.4%

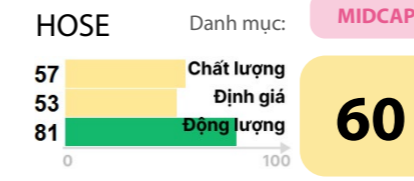
SCS công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2024 (9T 2024) với doanh thu thuần đạt 743 tỷ đồng (+47% YoY; hoàn thành 77% dự báo năm 2024 của chúng tôi) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 523 tỷ đồng (+41% YoY; hoàn thành 80% dự báo năm 2024 của chúng tôi). Trong quý 3, doanh thu thuần đạt 266 tỷ đồng (+55% YoY, +1% so với quý trước - QoQ) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 186 tỷ đồng (+46% YoY, -2% QoQ).

SCS ghi nhận tổng thông lượng hàng hóa 9T 2024 đạt 194.300 tấn (+42% YoY; hoàn thành 71% dự báo năm 2024 của chúng tôi), với thông lượng hàng hóa quốc tế đạt 147.500 tấn (+51% YoY; hoàn thành 72% dự báo năm

2024 của chúng tôi) và thông lượng hàng hóa trong nước đạt 46.800 tấn (+22% YoY; hoàn thành 68% dự báo năm 2024 của chúng tôi). Điều này là do hoạt động thương mại phục hồi, cước vận tải biển tăng thúc đẩy sức hấp dẫn của vận tải hàng không trong nửa đầu năm 2024 và đóng góp mới từ Qatar Airways. Tuy nhiên, KQKD 9T 2024 thấp hơn một chút so với dự báo của chúng tôi do thông lượng quý 3 giảm 7% so với quý trước - trái với kỳ vọng của chúng tôi cho rằng thông lượng nửa cuối năm tăng trưởng mạnh hơn so với nửa đầu năm.

“Giá dịch vụ trung bình tăng mạnh thúc đẩy KQKD quý 3 khả quan.”

SZC



Giá mục tiêu:	42,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	-20.8%
Giá hiện tại:	39,200	+/- LNST (Q3/24):	8.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.1%	EPS:	1,572
Vùng mua:	36,000 - 37,500	ROE:	10.6%

SZC công bố KQKD quý 3/2024 với doanh thu đạt 165 tỷ đồng (-20.8% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTS đạt 60 tỷ đồng (+8.2% YoY). Kết quả quý 3/2024 chủ yếu đến từ việc bàn giao đất KCN từ các hợp đồng đã ký (doanh số cho thuê đất KCN năm 2023 và nửa đầu năm 2024 lần lượt là 67 ha và 30 ha).

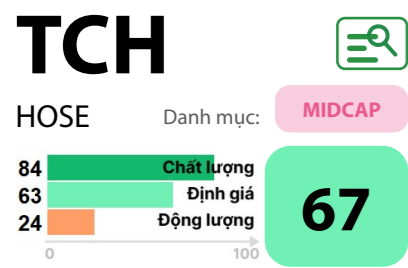
Trong 9 tháng đầu năm 2024 (9T 2024), doanh thu của SZC tăng 15% YoY đạt 641 tỷ đồng. Đối với mảng KCN, doanh thu 9T 2024 tăng 23% YoY đạt 568 tỷ đồng, trong đó tỷ trọng từ bàn giao cho SNZ và D2D lần lượt chiếm 30% và 23%. Đối với mảng khu đô thị, doanh thu 9T 2024 giảm 69% YoY đạt 17 tỷ đồng, chủ yếu do tiến độ bán đất chậm hơn. Biên lợi nhuận gộp tăng lên 52,1% trong 9T 2024 từ mức 46,1% trong 9T 2023, chủ yếu do giá bán trung bình tại KCN Châu Đức tăng (giá chào bán hiện tại khoảng 100

USD/m2). LNST sau lợi ích CĐTS 9T 2024 tăng 39% YoY đạt 227 tỷ đồng.

Tính đến cuối quý 3/2024, SZC ghi nhận tổng doanh thu chưa thực hiện và người mua trả tiền trước là 1,0 nghìn tỷ đồng (+51% so với đầu năm và +33% QoQ). Đáng chú ý, ghi nhận người mua trả tiền trước tính đến cuối quý 3/2024 bao gồm 359 tỷ đồng từ Tripod (hợp đồng 18 ha) và 178 tỷ đồng từ Steel Builder (hợp đồng 7,5 ha).

Chúng tôi dự báo LNST sau lợi ích CĐTS năm 2024 là 303 tỷ đồng (+38% YoY).

“Lợi nhuận Q3/2024 duy trì tăng trưởng nhờ sự đóng góp từ việc bàn giao đất KCN.”



Giá mục tiêu:	19,000
Giá hiện tại:	16,100
Lợi nhuận kỳ vọng:	18.0%
Vùng mua:	14,000 - 15,000

+/- Doanh thu (Q3/24):	456.3%
+/- LNST (Q3/24):	291.6%
EPS:	1,546
ROE:	8.3%

TCH vừa công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 niên độ tài chính 2024 (từ 1/7/2024 - 30/9/2024) với doanh thu thuần đạt 1.413 tỷ đồng và lãi ròng đạt 264 tỷ đồng, lần lượt cao gấp 4,6 lần và 2,9 lần cùng kỳ.

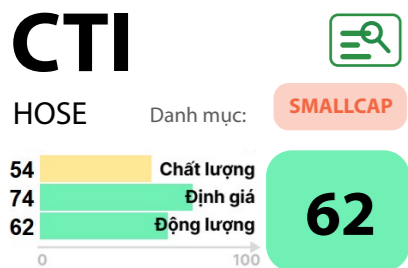
Lũy kế 6 tháng đầu niên độ, TCH ghi nhận doanh thu đạt 2.241 tỷ đồng và lãi ròng đạt 493 tỷ đồng, lần lượt gấp 4 lần và 1,8 lần cùng kỳ. Qua đó, hoàn thành 89% kế hoạch doanh thu và 61% kế hoạch lãi cả niên độ.

Xét về cơ cấu, trong nửa đầu niên độ tài chính 2024, doanh thu bán bất động sản của TCH chiếm tới 84,6% tổng doanh thu trong kỳ, đạt 1.897 tỷ đồng, gấp gần 6 lần cùng kỳ. Theo sau là doanh thu bán ô tô tải, đầu kéo và linh kiện thu hồi đạt 253 tỷ đồng; doanh thu cho thuê

bất động sản và các dịch vụ liên quan đạt 90,5 tỷ đồng; và doanh thu khác đạt 1,5 tỷ đồng.

Chúng tôi cho rằng tốc độ bán hàng và thu tiền của dự án này có thể coi là vượt trội so với mặt bằng chung các dự án thấp tầng trên cả nước, phần nào thể hiện sức hút về mặt đầu tư của dự án này khi huyện Thủy Nguyên được quy hoạch trở thành thành phố trực thuộc TP.Hải Phòng sau năm 2030.

“KQKD Q3/2024 tăng đột biến đến từ việc bàn giao các sản phẩm thuộc dự án Hoàng Huy New City.”



Giá mục tiêu:	17,800
Giá hiện tại:	16,000
Lợi nhuận kỳ vọng:	11.3%
Vùng mua:	14,000 - 15,000

+/- Doanh thu (Q2/24):	36.1%
+/- LNST (Q2/24):	-55.9%
EPS:	1,455
ROE:	5.6%

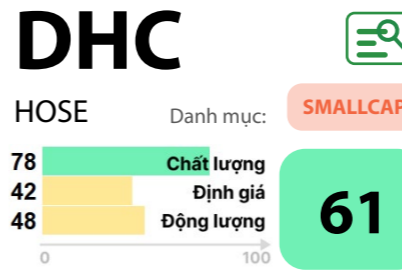
Quý 2/2024, CTI đạt doanh thu thuần 257 tỷ đồng (+36.1% svck), lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 20 tỷ đồng (-55.9% svck). Lũy kế 6 tháng năm 2024, CTI hoàn thành lần lượt 43% và 55% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế cho năm 2024.

Trong kỳ, đa phần các mảng kinh doanh chính của công ty đều ghi nhận sự tăng trưởng ngoại trừ mảng thành phẩm và dịch vụ mỏ đá, mảng du lịch và nhà hàng, riêng trạm BOT Quốc lộ 1 ghi nhận sự sụt giảm doanh thu 16% do lưu lượng xe qua tuyến chưa thực sự phục hồi.

Nổi bật trong kỳ là mảng xây lắp với doanh thu đạt 212 tỷ đồng (tăng 2,78 lần so với cùng kỳ). Nhưng biên lợi nhuận gộp của mảng này chỉ ghi nhận 15%. Sự cải thiện trong

doanh thu thu phí của ba trạm BOT QL91 (+9% svck) do được tăng giá vé, BOT Đường chuyên dùng (+43% svck), BOT 319 (+46% svck) do hưởng lợi từ sự thúc đẩy đầu tư công cũng như phục hồi của nền kinh tế của tỉnh Đồng Nai (tốt hơn tăng trưởng chung).

“Kỳ vọng KQKD Q3/2024 có sự cải thiện nhờ sự phục hồi tích cực của nền kinh tế và đầu tư công”



Giá mục tiêu:	38,000
Giá hiện tại:	35,300
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.6%
Vùng mua:	31,500 - 33,500

+/- Doanh thu (Q2/24):	26.9%
+/- LNST (Q2/24):	-34.4%
EPS:	3,067
ROE:	13.2%

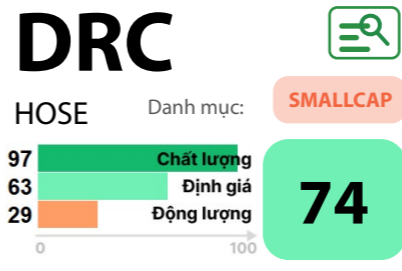
Ngày 03/10/2024, DHC đã nhận được giấy chứng nhận đầu tư cho nhà máy giấy Giao Long 3. Công ty hiện đang chờ để được phê duyệt các báo cáo đánh giá tác động môi trường và công tác phòng cháy chữa cháy – dự kiến sẽ được nhận vào cuối Q1/2025.

Khi nhà máy mới vận hành, công suất sản xuất của DHC dự kiến sẽ tăng lên 646.480 tấn mỗi năm, tăng 113% so với mức công suất hiện tại. Dự án sẽ được khởi công trong Q2/2025, hoàn thành vào cuối năm 2026 và bắt đầu vận hành chính thức khoảng 9 tháng sau đó.

Chúng tôi dự báo doanh thu thuần Q3/2024 của DHC đạt 836,7 tỷ đồng, tăng 5,3% so với cùng kỳ nhưng giảm 17,6% so với quý trước. Doanh thu giảm mạnh so với quý

trước là do không có khoản doanh thu không thường xuyên từ hoạt động kinh doanh thép (165 tỷ đồng được ghi nhận trong Q2/2024). Nếu ngoại trừ các khoản doanh thu không thường xuyên này, doanh thu thuần trong quý được dự báo giảm nhẹ chỉ 1,6% so với quý trước. Trong khi đó, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần Q3/2024 đạt 73 tỷ đồng, tăng 30,1% so với cùng kỳ và 20,4% so với quý trước nhờ giá bán cao hơn và chi phí đầu vào thấp.

“Kỳ vọng công suất sản xuất của DHC sẽ tăng 113% so với hiện tại khi nhà máy giấy Giao Long 3 chính thức vận hành.”



Giá mục tiêu:	30,300
Giá hiện tại:	28,200
Lợi nhuận kỳ vọng:	7.4%
Vùng mua:	25,000 - 27,500

+/- Doanh thu (Q3/24):	8.4%
+/- LNST (Q3/24):	-39.3%
EPS:	2,259
ROE:	14.2%

DRC công bố kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2024 với doanh thu thuần đạt 3,6 nghìn tỷ đồng (+5% YoY) và LNST sau lợi ích CĐTTS đạt 173 tỷ đồng (+14% YoY), lần lượt hoàn thành 73% và 68% dự báo cả năm của chúng tôi. Doanh thu phù hợp với dự báo của chúng tôi, trong khi LNST sau lợi ích CĐTTS thấp hơn nhẹ so với kỳ vọng của chúng tôi do chi phí đầu vào cao hơn dự kiến.

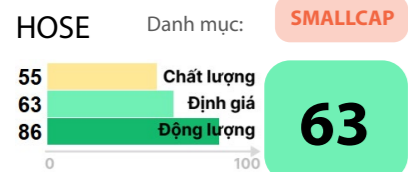
Doanh thu thuần quý 3 năm 2024 tăng 8.4% YoY, chủ yếu nhờ sản lượng bán lốp radial và bias tăng 7% YoY. Tuy nhiên, LNST sau lợi ích CĐTTS quý 3/2024 giảm mạnh 39.3% YoY xuống còn 46 tỷ đồng, chủ yếu do biên lợi nhuận gộp giảm và lỗ tỷ giá tăng so với cùng kỳ năm trước. So với quý trước, doanh thu giảm 11%, chúng tôi cho rằng nguyên nhân là do sản lượng bán hàng thấp hơn khi các nhà phân

phối đã nhập hàng vào cuối quý 2/2024 trước khi DRC tăng giá bán từ ngày 01/07/2024. Ngoài ra, việc chi phí đầu vào tăng cũng khiến LNST sau lợi ích CĐTTS giảm 41% QoQ.

Biên lợi nhuận gộp giảm 4,3 điểm % YoY/7,6 điểm % QoQ xuống còn 12,5% trong quý 3/2024 do chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên về mặt tích cực, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý doanh nghiệp/doanh thu thuần đã giảm từ mức 13,3% trong quý 2/2024 (do chi phí logistics tăng cao trong khoảng thời gian thiếu container) xuống còn 6,1% trong quý 3/2024.

“Chi phí đầu vào cao hơn là nguyên nhân chính khiến lợi nhuận quý 3/2024 giảm.”

HAH



Giá mục tiêu:	50,400	+/- Doanh thu (Q3/24):	65.6%
Giá hiện tại:	43,750	+/- LNST (Q3/24):	88.5%
Lợi nhuận kỳ vọng:	15.2%	EPS:	3,562
Vùng mua:	39,500 - 41,000	ROE:	12.9%

Quý 3/2024, HAH mang về doanh thu thuần gần 1,129 tỷ đồng và lãi ròng hơn 199 tỷ đồng, lần lượt tăng mạnh 65.6% và 88.5% so với cùng kỳ năm trước. Đây cũng là quý thứ 2 liên tiếp HAH tăng trưởng lãi ròng, đồng thời là mức cao nhất kể từ quý 4/2022.

Công ty cho biết việc đưa 3 tàu vào khai thác (Haian Alfa, Haian Beta và Haian Opus) cùng với sản lượng và giá cước vận tải tăng giúp doanh thu và lợi nhuận hoạt động khai thác tàu tăng mạnh. Số tàu cho thuê và giá cho thuê tàu quý 3 cũng tăng. Đồng thời, sản lượng vận tải tăng cũng giúp sản lượng và doanh thu hoạt động cảng tăng theo.

Về sản lượng, HAH tăng nhẹ kế hoạch từ 1.26 triệu TEU lên 1.27 triệu TEU, bao gồm sản lượng khai thác cảng tăng

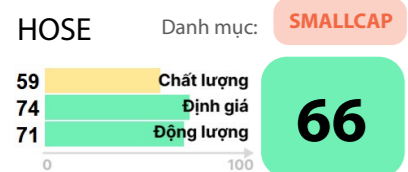
hơn 1% và khai thác tàu tăng gần 6%, trong khi khai thác depot giảm 12%.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, lãi ròng hơn 370 tỷ đồng, thực hiện được 82% kế hoạch điều chỉnh.

Các tàu mới đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh gồm Haian Alfa, Haian Beta và Haian Opus đều có tải trọng 1,800 TEU, được HAH tiếp nhận lần lượt vào tháng 12/2023, 3/2024 và 7/2024. Ngoài ra, HAH còn tiếp nhận thêm 1 tàu cùng loại khác tên Anbien Sky vào tháng 5/2024.

“Lãi ròng HAH tiếp đà phục hồi với mức tăng trưởng 65.6% so với cùng kỳ, cao nhất trong 8 quý.”

HAX



Giá mục tiêu:	18,500	+/- Doanh thu (Q3/24):	37.7%
Giá hiện tại:	17,100	+/- LNST (Q3/24):	712.1%
Lợi nhuận kỳ vọng:	8.2%	EPS:	1,053
Vùng mua:	14,000 - 15,000	ROE:	9.1%

HAX báo cáo KQKD Q3/2024 cao bất ngờ, với doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 1.536 tỷ đồng (tăng 37.7% so với cùng kỳ) và 62 tỷ đồng (tăng 7,1 lần so với cùng kỳ), nhờ KQKD tích cực của cả 2 mảng phân phối xe Mercedes và MG.

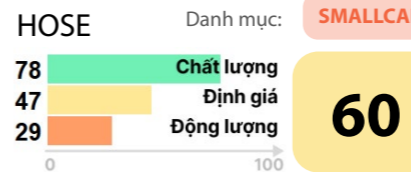
Mảng phân phối xe Mercedes hồi sinh nhờ tái áp dụng chính sách hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước, mặc dù doanh thu Q3/2024 giảm 15% so với cùng kỳ xuống còn 839 tỷ đồng (nhưng tăng 18% so với quý trước), lợi nhuận thuần tăng vọt 7,2 lần so với cùng kỳ lên 36 tỷ đồng (tăng mạnh 39 lần so với quý trước). Mảng phân phối xe MG tiếp tục ghi nhận sản lượng tiêu thụ tích cực trong Q3/2024 nhờ giá bán và chế độ hậu mãi hấp

dẫn, do được hỗ trợ tài mạnh từ công ty mẹ SAIC ở Trung Quốc, sản lượng tiêu thụ xe MG trong Q3/2024 tăng hơn gấp 4 lần so với cùng kỳ đạt 3.309 chiếc (so với mức tăng 30% so với cùng kỳ của thị trường).

Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 3.696 tỷ đồng (tăng 27% so với cùng kỳ) và 91 tỷ đồng (tăng 6,2 lần so với cùng kỳ). Các yếu tố hỗ trợ cho sự tăng trưởng của KQKD vẫn tiếp tục duy trì trong Q4/2024.

“KQKD Q3/2024 tăng trưởng mạnh mẽ nhờ chính sách hỗ trợ 50% lệ phí trước bạ đối với xe lắp ráp trong nước, thúc đẩy nhu cầu sở hữu xe sang của người tiêu dùng.”

LHG



Giá mục tiêu:	59,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	34.4%
Giá hiện tại:	36,450	+/- LNST (Q3/24):	31.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	61.9%	EPS:	4,059
Vùng mua:	35,000 - 36,000	ROE:	12.5%

LHG vừa công bố kết quả kinh doanh quý 3/2024 với doanh thu thuần đạt gần 91 tỷ đồng tăng 34.4% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận gộp tăng 38%, đạt 44,6 tỷ đồng.

Xét về cơ cấu, doanh thu cho thuê nhà xưởng, khu lưu trú, trung tâm thương mại chiếm 44,87% tổng doanh thu quý 3/2024 của Long Hậu, đạt 40,7 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu các hoạt động khác chiếm 55,13%, đạt 44 tỷ đồng, tăng 60%.

Sau khi trừ các khoản chi phí phát sinh trong hoạt động kinh doanh, Long Hậu ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 42 tỷ đồng, tăng 31.6% so với quý 3/2023.

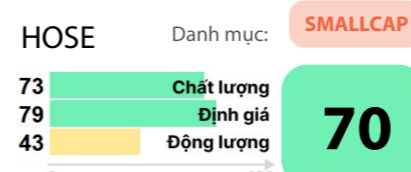
Lũy kế 9 tháng đầu năm, Long Hậu ghi nhận doanh thu

thuần đạt 329 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 139 tỷ đồng, lần lượt tăng 32% và 33% so với 9 tháng đầu năm 2023. Qua đó, hoàn thành 44% kế hoạch doanh thu và 105% kế hoạch lợi nhuận cả năm nay.

Trong năm 2024, Long Hậu có kế hoạch hoàn thành và đưa vào vận hành dự án Nhà xưởng xây sẵn 3A (19-20-21-22) với diện tích 17.000m²; đồng thời dự kiến khởi công xây dựng dự án Nhà xưởng cao tầng (giai đoạn 2) với diện tích nhà xưởng cho thuê khoảng 26.000m².

“Nhờ nhu cầu thuê nhà xưởng tăng, LHG vượt mục tiêu lợi nhuận cả năm 5% chỉ sau 9 tháng.”

PVP



Giá mục tiêu:	18,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	-36.1%
Giá hiện tại:	15,900	+/- LNST (Q3/24):	23.2%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.2%	EPS:	1,978
Vùng mua:	15,000 - 15,800	ROE:	11.4%

Trong quý 3/2024, PV Trans Pacific ghi nhận doanh thu đạt khoảng 359 tỷ đồng, giảm 36.1% so với cùng kỳ, nhưng lợi nhuận sau thuế đạt 69 tỷ đồng, tăng 23.2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp được cải thiện mạnh từ 15,8%, lên 24,7%.

PV Trans Pacific cho biết lợi nhuận tăng trưởng tích cực chủ yếu do đội tàu của công ty tiếp tục khai thác trên thị trường quốc tế với giá cước tốt. Ngoài ra, chi phí lãi vay giảm, các yếu tố chênh lệch tỷ giá giảm và doanh thu tài chính tăng cũng đã ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

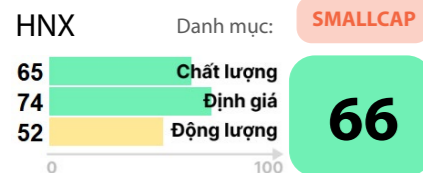
Lũy kế trong 9 tháng đầu năm, PV Trans Pacific ghi nhận doanh thu đạt 1.092 tỷ đồng, giảm 11% so với cùng kỳ, lợi

nhuận sau thuế đạt 174,39 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm nay, PV Trans Pacific đặt kế hoạch tổng doanh thu 1.700 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế dự kiến 176 tỷ đồng, lần lượt tăng 17,2% và 10% so với kế hoạch năm 2023. Như vậy, công ty đã hoàn thành tới 99% kế hoạch kinh doanh cả năm.

“Nhờ việc tập trung khai thác trên các tuyến quốc tế, biên lợi nhuận gộp của PV Trans Pacific đã được cải thiện mạnh trong 9 tháng đầu năm 2024.”

TNG



Giá mục tiêu:	28,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	12.0%
Giá hiện tại:	25,000	+/- LNST (Q3/24):	59.9%
Lợi nhuận kỳ vọng:	12.0%	EPS:	2,414
Vùng mua:	23,000 - 24,500	ROE:	16.1%

Trong Q3/2024, doanh thu và LNST lần lượt đạt 2.358 tỷ đồng (+12% YoY) và 111 tỷ đồng (+59.9% YoY), tốc độ tăng trưởng cao của doanh thu do tính chất mùa vụ của ngành trong bối cảnh nền kinh tế tại các thị trường chính là Mỹ và EU đang dần hồi phục kể từ thời điểm cùng kỳ. Lũy kế 9T2024, doanh thu và LNST lần lượt đạt 5.885 tỷ đồng (+8% YoY) và 239 tỷ đồng (+41% YoY), tương ứng hoàn thành 74% và 77% kế hoạch năm.

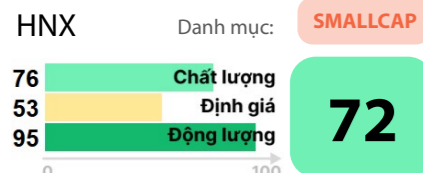
Biên lợi nhuận gộp ghi nhận mức 14% (+66 bps YoY, -200 bps QoQ), chỉ tiêu OPEX/doanh thu duy trì ổn định ở mức 6%. So với quý trước, dù biên gộp giảm mạnh nhưng TNG ghi nhận doanh thu tài chính là 53 tỷ đồng (+83% YoY, +120% QoQ), dẫn đến biên lợi nhuận ròng được mở rộng

70 bps, đạt mức 5%.

Lũy kế từ đầu năm đến nay, TNG đạt tổng doanh thu 5.884 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt gần 241 tỷ đồng. Tại Đại hội cổ đông thường niên 2024 hồi tháng 4/2024, TNG đặt kế hoạch lạc quan cho năm 2024 với doanh thu 7.900 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 310 tỷ đồng (tăng 11,35% và 41,27% so với thực hiện năm 2023). Như vậy, TNG đã đạt được 75% kế hoạch doanh thu và 78% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

"Lợi nhuận Q3/2024 tăng mạnh do tăng trưởng doanh thu song song với tối ưu hóa chi phí."

VLB



Giá mục tiêu:	45,000	+/- Doanh thu (Q3/24):	44.0%
Giá hiện tại:	39,500	+/- LNST (Q3/24):	147.6%
Lợi nhuận kỳ vọng:	13.9%	EPS:	4,530
Vùng mua:	36,000 - 39,000	ROE:	31.9%

Trong quý 3, doanh thu công ty tăng trưởng 44.0% so với cùng kỳ, giá vốn tăng 28,24% so với cùng kỳ.

Thêm vào đó, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 42,13% so với cùng kỳ. Trong khi chi phí bán hàng giảm 10,58% so với cùng kỳ. Do đó, lợi nhuận sau thuế đạt 50,65 tỷ đồng, tăng 147,6% so với cùng kỳ.

Kết quả trong 9 tháng đầu năm, doanh thu đạt 944,75 tỷ đồng, tăng 32,7% so với cùng kỳ, lợi nhuận lũy kế đạt 155,34 tỷ đồng, tăng 79,09% so với cùng kỳ.


Về hoạt động đầu tư, công ty thanh lý một số tài sản cố định trong 9 tháng đầu năm, nguyên giá tài sản cố định đạt 546,32 tỷ đồng vào cuối quý 3/2024.

Trong Quý 4/2024, nhờ hưởng lợi từ việc đẩy mạnh hoạt động xây dựng của các dự án bất động sản, hoạt động xây + sửa nhà, giải ngân đầu tư công đặc biệt là dự án sân bay Long Thành, KQKD của VLB có khả năng tiếp tục ghi nhận đà tăng trưởng so với cùng kỳ.


"Lợi nhuận quý 3 gấp 1,5 lần so với cùng kỳ, đạt 50,65 tỷ đồng. Kỳ vọng Q4/2024 tiếp tục hưởng lợi từ việc giải ngân đầu tư công."

CẬP NHẬT DANH MỤC CHỦ ĐỀ







Cổ tức tiền mặt cao: BMP, LHG, NT2, QNS, SIP,...



Đầu tư công: HPG, HSG, DPG, C4G, CTD,...



P/B < 1: POW, GEX, CTD, PAN, DXG,...



BDS Dân dụng & KCN: HDC, IJC, KDH, DPR, KBC,...

CỔ TỨC TIỀN MẶT CAO

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
BMP	●	Nhựa	150	137.3	9.2%	108 - 115	11.1	4.0	12,419
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59	36.45	61.9%	35 - 36	9.0	1.1	4,059
NT2	-	Điện	22.1	19.05	16.0%	18 - 18.8	22.1	1.3	863
QNS	●	Mía đường	53.7	48.9	9.8%	46 - 47.5	7.5	2.0	6,551
SIP	●	BĐS Khu công nghiệp	101.6	74.2	36.9%	65 - 69	13.2	3.6	5,630

ĐẦU TƯ CÔNG

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
C4G	●	Xây dựng	10.5	8.7	20.7%	7 - 8	15.1	0.8	578
CTD	●	Xây dựng	74	67	10.4%	62.5 - 65	22.4	0.8	2,996
DPG	-	Xây dựng	64	53	20.8%	50 - 54	14.7	1.4	3,612
HPG	●	Thép	34	27	25.9%	25 - 26.5	15.5	1.7	1,746
HSG	●	Thép	23.5	20.35	15.5%	19.5 - 20.5	11.1	1.2	1,826

P/B < 1

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
POW	●	Điện	14.4	12.05	19.5%	11 - 11.6	25.8	0.8	467
GEX	-	Thiết bị Điện - Điện tử	24	20.5	17.1%	19 - 20	17.0	0.8	1,207
CTD	●	Xây dựng	74	67	10.4%	62.5 - 65	22.4	0.8	2,996
PAN	●	Thực phẩm	26	24.45	6.3%	22 - 23	9.1	0.6	2,690
DXG	-	BĐS Dân cư	19.5	16.55	17.8%	15 - 16	66.5	0.8	249

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

BĐS DẪN DỰNG & KCN

Mã CK	Phân loại cổ phiếu	Ngành	Giá mục tiêu *	Giá hiện tại *	Lợi nhuận kỳ vọng	Vùng mua*	P/E	P/B	EPS
HDC	-	BĐS Dân cư	31	26.4	17.4%	25 - 26.5	36.0	2.4	734
IJC	-	BĐS Dân cư	14.8	13.3	11.3%	12.2 - 12.8	9.4	0.6	1,411
KDH	●	BĐS Dân cư	42.4	33.5	26.6%	31.5 - 32.5	55.4	2.2	605
NLG	-	BĐS Dân cư	43.9	39.4	11.4%	35.5 - 37.5	49.7	1.1	793
VHM	-	BĐS Dân cư	46.5	41.15	13.0%	38 - 41	7.7	0.9	5,325
DPR	●	BĐS Khu công nghiệp	53.3	38.7	37.7%	36 - 38	13.2	1.1	2,931
GVR	-	BĐS Khu công nghiệp	36.7	32.7	12.2%	30 - 32	46.4	2.4	704
IDC	●	BĐS Khu công nghiệp	59.1	55.2	7.1%	48 - 51	9.9	3.0	5,573
KBC	-	BĐS Khu công nghiệp	41.6	26.25	58.5%	25 - 26	85.7	1.0	306
LHG	●	BĐS Khu công nghiệp	59	36.45	61.9%	35 - 36	9.0	1.1	4,059

Chú thích Phân loại cổ phiếu:

● Cổ phiếu Tăng trưởng ● Cổ phiếu Phòng thủ - Đang cập nhật phân loại

Giá mục tiêu*2xx,x (màu lục) là giá mục tiêu của phân tích kỹ thuật

Dữ liệu giá được cập nhật tại ngày 30/10/2024

*Đơn vị: nghìn đồng

TỔNG QUAN VỀ SMARTPORTFOLIO

Cung cấp những danh mục đầu tư chất lượng và phù hợp với từng khẩu vị rủi ro

Mục tiêu đầu tư



Tìm kiếm lợi nhuận bền vững từ việc tăng trưởng vốn gốc và thu nhập cổ tức thông qua việc đầu tư vào các cổ phiếu được niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Chiến lược đầu tư



Các danh mục mô phỏng theo chiến lược phân bổ cổ phiếu nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý.

Với mục tiêu đầu tư cụ thể, tỷ trọng của các nhóm cổ phiếu sẽ được phân bổ khác nhau ở mỗi danh mục tùy thuộc vào mức độ rủi ro và kỳ vọng lợi nhuận tương ứng của từng danh mục.

Cơ cấu đầu tư



Các danh mục sẽ có sự kết hợp tỷ trọng giữa các nhóm cổ phiếu giá trị, tăng trưởng, chủ đề và linh hoạt để tạo ra sự đa dạng về lợi suất kỳ vọng cũng như rủi ro.

Cơ cấu danh mục đầu tư đa dạng theo ngành nghề dựa theo tiềm năng tăng trưởng của ngành, tình hình kinh tế vĩ mô và thanh khoản trên thị trường.

Thời hạn đầu tư 6 - 12 tháng.

Phương pháp đầu tư



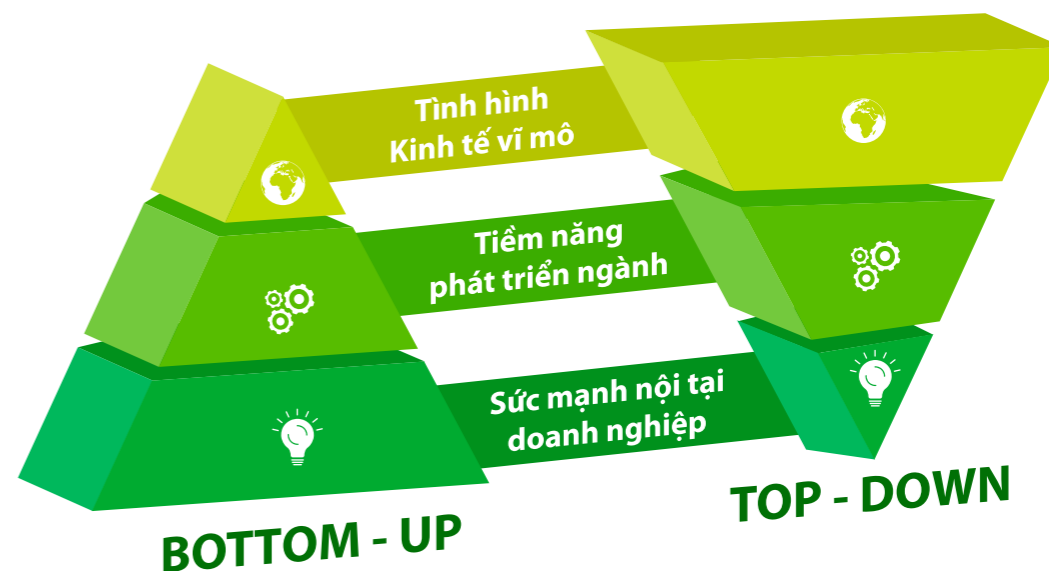
SmartPortfolio thiết kế các danh mục tập trung vào những công ty có nền tảng hoạt động ổn định & quản trị minh bạch, tiềm năng ngành tăng trưởng tốt, định giá hấp dẫn so với các yếu tố cơ bản.

Cổ phiếu niêm yết trên 2 sàn HSX và HNX. Vốn hóa cổ phiếu >1,000 tỷ VNĐ. Thanh khoản trung bình phiên trong 30 ngày gần nhất >100,000 cổ phiếu. Tiềm năng tăng giá (bao gồm suất cổ tức kỳ vọng) của cổ phiếu > 15% trong chu kỳ 12 tháng.

PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẦU TƯ

I. Phương pháp tiếp cận

Kết hợp **Bottom-Up** và **Top-down** để tìm kiếm các cơ hội đầu tư vượt trội.



Đối với phương pháp Bottom-up: Chúng tôi tập trung vào những doanh nghiệp có những câu chuyện riêng:

- ✓ Doanh nghiệp có tài sản ngầm, chưa được khai thác đầy đủ
- ✓ Doanh nghiệp đang trong quá trình tái cấu trúc, thay đổi cơ cấu chủ sở hữu từ đó dẫn đến các cải thiện tích cực trong kết quả kinh doanh; Cổ phiếu liên quan đến hoạt động mua bán sáp nhập
- ✓ Cổ phiếu của các doanh nghiệp nằm trong danh sách thoái vốn của Nhà nước;
- ✓ Cổ phiếu có giá thị trường giảm sâu trong ngắn hạn và giảm sâu với giá định giá hợp lý.

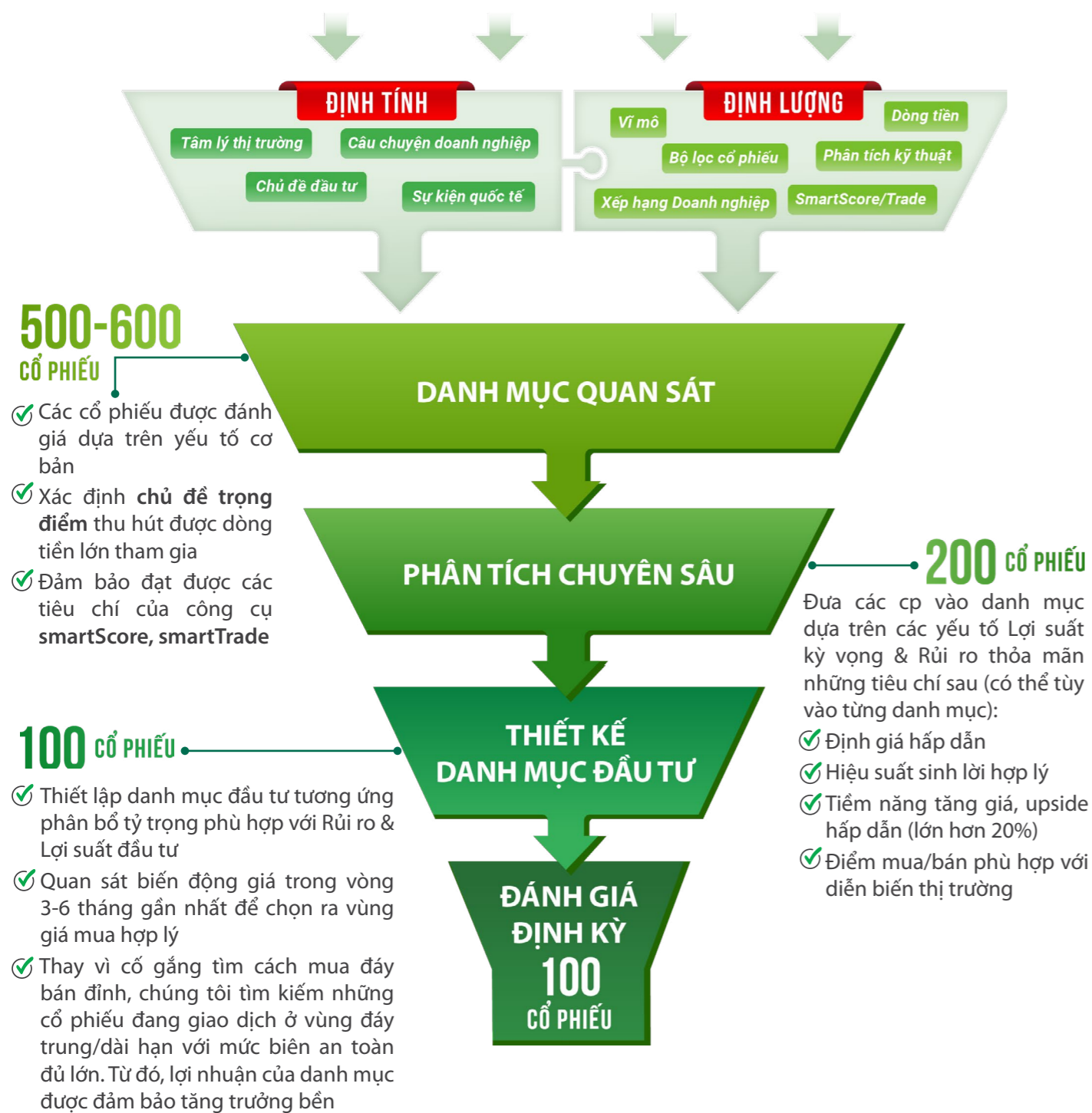
Đối với phương pháp Top-down: Các cổ phiếu được chúng tôi thẩm định theo tuần tự:

- 1 Phân tích chỉ báo kinh tế vĩ mô, chính sách để tìm kiếm các ngành nghề triển vọng.
- 2 Tìm kiếm cổ phiếu các doanh nghiệp tiềm năng nhất ngành dựa trên các yếu tố cơ bản như:
 - ✓ Sức mạnh và sự ổn định tài chính, hiệu quả hoạt động
 - ✓ Chất lượng quản trị & năng lực điều hành
 - ✓ Lợi thế cạnh tranh, thị phần, quy mô, mô hình kinh doanh và loại hình sản phẩm hay dịch vụ đang cung cấp
 - ✓ Tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận
- 3 Tập trung những cổ phiếu đang được định giá hấp dẫn so với giá trị thực cũng như tiềm năng tăng giá trong tương lai.



II. Quy trình xây dựng danh mục đầu tư

~ 1700 CỔ PHIẾU



- 500-600 CỔ PHIẾU**
- ✓ Các cổ phiếu được đánh giá dựa trên yếu tố cơ bản
 - ✓ Xác định chủ đề trọng điểm thu hút được dòng tiền lớn tham gia
 - ✓ Đảm bảo đạt được các tiêu chí của công cụ smartScore, smartTrade

- 100 CỔ PHIẾU**
- ✓ Thiết lập danh mục đầu tư tương ứng phân bổ tỷ trọng phù hợp với Rủi ro & Lợi suất đầu tư
 - ✓ Quan sát biến động giá trong vòng 3-6 tháng gần nhất để chọn ra vùng giá mua hợp lý
 - ✓ Thay vì cố gắng tìm cách mua đáy bán đỉnh, chúng tôi tìm kiếm những cổ phiếu đang giao dịch ở vùng đáy trung/dài hạn với mức biên an toàn đủ lớn. Từ đó, lợi nhuận của danh mục được đảm bảo tăng trưởng bền

- 200 CỔ PHIẾU**
- Đưa các cp vào danh mục dựa trên các yếu tố Lợi suất kỳ vọng & Rủi ro thỏa mãn những tiêu chí sau (có thể tùy vào từng danh mục):
- ✓ Định giá hấp dẫn
 - ✓ Hiệu suất sinh lời hợp lý
 - ✓ Tiềm năng tăng giá, upside hấp dẫn (lớn hơn 20%)
 - ✓ Điểm mua/bán phù hợp với diễn biến thị trường



DIỄN GIẢI THUẬT NGỮ

Cổ phiếu Tăng trưởng (●)

Cổ phiếu tăng trưởng là cổ phiếu của một công ty được dự đoán sẽ tăng trưởng với tốc độ cao hơn đáng kể so với mức tăng trung bình của thị trường. Những cổ phiếu này thường ít trả cổ tức, thay vào đó công ty thường tái đầu tư tất cả thu nhập để thúc đẩy tăng trưởng trong ngắn hạn. Các nhà đầu tư sau đó kiếm được tiền nhờ tăng trưởng giá ấn tượng khi

họ bán cổ phiếu. Do không có cổ tức, đầu tư vào cổ phiếu tăng trưởng có thể khá rủi ro. Cơ hội duy nhất mà một nhà đầu tư kiếm được tiền là khi họ bán cổ phần của mình và hưởng lợi từ mức giá phản ánh câu chuyện tăng trưởng trong tương lai của doanh nghiệp.

Cổ phiếu Phòng thủ (●)

Cổ phiếu phòng thủ là loại cổ phiếu mang lại cổ tức và dòng thu nhập ổn định bất kể tình hình của thị trường chứng khoán. Do nhu cầu liên tục cho các sản phẩm/dịch vụ của công ty mình, cổ phiếu phòng thủ có xu hướng duy trì sự ổn định trong các giai đoạn khác nhau của chu kỳ kinh doanh. Một số cổ phiếu thuộc các ngành nghề đặc trưng với tính phòng thủ như y tế, hàng tiêu dùng thiết yếu, sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước...

Danh sách cổ phiếu chờ

Danh sách cổ phiếu chờ là danh sách những cổ phiếu được ưu tiên lựa chọn để thay thế những cổ phiếu trong danh mục chính tại thời điểm cơ cấu danh mục vào cuối tháng.

Chấm điểm smartScore

Điểm Chất lượng tập trung đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự tăng trưởng của doanh nghiệp.

- * Các tiêu chí cấu phần điểm Chất lượng:
- ✓ **Chỉ số Hoạt động:** vòng quay phải thu, vòng quay hàng tồn kho, vòng quay phải trả,...
 - ✓ **Chỉ số Thanh khoản:** chỉ số thanh toán nhanh, chỉ số thanh toán hiện hành,...
 - ✓ **Chỉ số Cơ cấu tài sản:** nợ vay/vốn chủ sở hữu, nợ vay/tài sản,...
 - ✓ **Chỉ số Hiệu quả:** biên lợi nhuận thuần, biên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, biên lợi nhuận ròng,...
 - ✓ **Chỉ số Tăng trưởng:** tăng trưởng doanh thu, tăng trưởng lợi nhuận ròng, tăng trưởng EPS, CAGR lợi nhuận ròng (4 năm),...

Điểm Định giá tập trung đo lường để xem xét thị giá của cổ phiếu đang cao hay thấp so với giá trị thực hoặc so với ngành.

- * Các tiêu chí cấu phần điểm Định giá:
- ✓ P/E, P/B, P/S, EV/EBITDA, EV/S,...
 - ✓ Vốn hoá thị trường,...

Điểm Động lượng tập trung đo lường biến động giá và khối lượng giao dịch của cổ phiếu trên thị trường.

- * Các tiêu chí cấu phần điểm Động lượng:
- ✓ Khối lượng giao dịch cổ phiếu trung bình 3 tháng, 2 tuần,...
 - ✓ Tỷ lệ thay đổi giá của cổ phiếu 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng,...
 - ✓ Khối lượng giao dịch 2 tuần/ 3 tháng,...